

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

*

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG**

Tháng 9 năm 2025

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

*

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN
VỀ NHÂN VẬT LỊCH SỬ
THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG**

Tháng 9 năm 2025

LỜI GIỚI THIỆU

Cao Bằng - mảnh đất nơi biên cương phía Đông Bắc Tổ quốc ngay từ buổi sơ khai dựng nước đã giữ vị trí trọng yếu, là bức “phên giậu” vững chắc của cả nước. Xuyên suốt chiều dài lịch sử, cộng đồng các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã không quản ngại hy sinh, gian khổ, đoàn kết đứng lên chống ngoại xâm, bảo vệ giang sơn, bờ cõi đất nước. Từ thời Thục Phán - An Dương Vương thế kỉ III trước Công nguyên (TCN), Cao Bằng đã từng là chiến trường của những cuộc đọ sức quyết liệt đầu tiên của dân tộc Việt Nam chống sự xâm lược của các thế lực phong kiến phương Bắc (quân Tần, quân Triệu Đà). Cùng với những chứng cứ lịch sử, trong truyền thuyết và trong tâm thức của Nhân dân ta từ ngàn xưa đã tôn vinh Thục Phán - An Dương Vương là vị

anh hùng có công lao to lớn trong việc thống nhất hai tộc người Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt để lập nước Âu Lạc trên cơ sở kế thừa và phát triển cao hơn nước Văn Lang, tiếp nối công cuộc dựng nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng tưởng nhớ và tôn vinh các bậc tiền nhân có công lao to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, từ năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa tên của Thục Phán - An Dương Vương và Nùng Trí Cao vào Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025, việc đặt tên hai phường trung tâm mới của tỉnh là Thục Phán và Nùng Trí Cao không chỉ là sự chỉ dẫn về địa lí, địa danh hành chính, mà còn là biểu tượng của truyền thống lịch sử, văn hóa, niềm tự hào

và trách nhiệm của thế hệ hôm nay tiếp nối và phát huy. Đồng thời hun đúc, bồi đắp niềm tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương; tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy các di sản, di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; từ đó xác định ý chí quyết tâm, quyết liệt tạo nên bước chuyển biến mới trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững, vì hạnh phúc của Nhân dân.

Thực hiện Đề án số 19-ĐA/TU, ngày 13/8/2019 của Tỉnh uỷ Cao Bằng về Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trên quê hương cách mạng Cao Bằng, giai đoạn 2019 - 2025; đặc biệt hướng tới chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Tuyên giáo và Dân

vận Tỉnh uỷ Cao Bằng chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng biên soạn và xuất bản “*Tài liệu tuyên truyền về nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương*”. Tài liệu cung cấp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những thông tin cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp, vai trò và những công lao, đóng góp to lớn của Thục Phán - An Dương Vương đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng và các giá trị di sản liên quan đến nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương tại Cao Bằng.

Tài liệu được tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và cả nước.

Xin trân trọng giới thiệu tới các đồng chí và quý bạn đọc!

**BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH ỦY - SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH CAO BẰNG**

Phần thứ nhất
NHỮNG CÔNG TRẠNG
CỦA NHÂN VẬT LỊCH SỬ
THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG
TRONG LỊCH SỬ DỰNG NƯỚC VÀ
GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Vấn đề Thục Phán - An Dương Vương và nước Âu Lạc được các nhà sử học đánh giá là một bộ phận hữu cơ của cả vấn đề lớn: thời kì lịch sử Hùng Vương - An Dương Vương - thời đại bắt đầu dựng nước và giữ nước, liên quan đến nguồn gốc của nhân dân ta, liên quan đến sự diễn biến của lịch sử Việt Nam, đến lịch sử nước ta trong mấy thiên niên kỉ qua và đến cả tương lai của dân tộc Việt Nam. Do đó, vấn đề này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà sử học lớn của Việt Nam và quốc tế.

I. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG TÀN VÀ NƯỚC ÂU LẠC RA ĐỜI

Trên cơ sở kỹ thuật đồng và sắt sớm của văn hóa Đông Sơn, nền kinh tế phát triển, phân hóa xã hội ngày càng tăng tiến, tạo tiền đề cho sự hình thành nhà nước. Quá trình thống nhất văn hóa Đông Sơn cũng là quá trình liên kết các cộng đồng người Việt cổ gồm nhóm người Lạc Việt và Âu Việt theo tên gọi của thư tịch cổ, để hình thành nhà nước sơ khai. Đó là nước Văn Lang đời Hùng Vương mà cư dân chủ yếu là người Lạc Việt ở miền đồng bằng và trung du, ra đời vào khoảng thế kỷ VII TCN (theo *Đại Việt sử lược* đời Trần). Cùng lúc đó, các bộ lạc Âu Việt ở miền núi phía Bắc mà trung tâm là vùng Cao Bằng, cũng tập hợp lại trong “nước Nam Cương” theo truyền thuyết phổ biến của người Tày, để tiếp theo sau là sự liên kết Lạc Việt - Âu Việt hình

thành nên nước Âu Lạc đời An Dương Vương ra đời khoảng cuối thế kỉ III TCN¹.

Khi vừa mới bắt đầu dựng nước, nhân dân ta đã phải liên tiếp đương đầu với nhiều mối đe dọa từ bên ngoài. Truyền thuyết dân gian kể về các cuộc chiến đấu chống lại giặc Man, giặc Mũi Đỏ, giặc Ân... xác nhận từ thời các vua Hùng, nhân dân ta đã phải nhiều lần đứng lên chống ngoại xâm. Đến thời cuối các vua Hùng, nạn ngoại xâm càng trở thành mối đe dọa to lớn. Ở Trung Quốc, Việt Vương Câu Tiễn sau khi diệt nước Ngô năm 473 TCN làm bá chủ miền duyên hải từ Sơn Đông đến Quảng Đông và đã từng sai sứ xuống dụ nước Văn Lang nhưng đã bị vua Hùng cự tuyệt. Sự kiện này được các nhà sử học Việt Nam coi là cuộc đụng độ đầu tiên giữa nước ta với nhà cầm quyền phong kiến phương Bắc. Truyền thuyết *Họ Hồng Bàng*

¹ Dẫn theo: *Phan Huy Lê di cảo: Nhận thức Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2024, tr.30-31.

trong sách *Lĩnh Nam chí* chép: “Dân phương Nam khôn khổ vì bị quấy nhiễu, không được yên sống như xưa...”¹ cũng phản ánh phần nào cuộc tiếp xúc và đụng độ của người Việt với người Hoa Hạ ở phương Bắc.

Năm 221 TCN, Tần Doanh Chính kết thúc cuộc nội chiến thời Chiến Quốc, thống nhất lãnh thổ toàn Trung Hoa, thành lập một đế chế rộng lớn đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, tự xưng là Tần Thủy Hoàng đế và tiến hành chiến tranh mở rộng lãnh thổ ra hai phía Bắc, Nam. Ở phía Nam, kế tục mưu đồ “bình Bách Việt” của nước Sở trước đây, Tần Thủy Hoàng đã sai 50 vạn quân xâm lược đất đai của Bách Việt ở phía Nam Trường Giang. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có chép ở phần Ngoại kỷ, rằng: “Đinh Hợi, năm thứ 44 (214 TCN, Tần Thủy Hoàng năm thứ 33). Nhà Tần phát những người trốn tránh, người ở rể, người đi buôn, ở các

¹ *Lĩnh Nam chí quái bình giải*, Nguyễn Hữu Vinh dịch, Trần Đình Hoàng bình giải, 2010, tr.15.

đạo ra làm binh, sai Hiệu úy Đồ Thư đem quân lâu thuyền, sai Sử Lộc đào ngòi vận lương đi sâu vào đất Lĩnh Nam, đánh lấy miền đất Lục Lương, đặt các quận Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận, cho Nhâm Ngao làm Nam Hải úy, Triệu Đà làm Long Xuyên lệnh (Long Xuyên là thuộc huyện của Nam Hải), đem những binh phải tội đồ 50 vạn người đến đóng đồn ở Ngũ Lĩnh. Ngao, Đà nhân đó mưu xâm chiếm nước ta...”¹.

Cùng với ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, thì tư liệu cổ Trung Quốc là sách *Hoài Nam tử* của Hoài Nam vương Lưu An² viết về âm mưu xâm lược Bách Việt của nhà

¹ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.8.

² Lưu An (179 - 122 TCN), là con trưởng của Hoài Nam Lê vương Trường, em ruột vua Hán Văn đế (180 - 157 TCN). Năm thứ 16 niên hiệu Hán Văn đế (165 TCN), Lưu An được tập phong làm Hoài Nam vương. Sách *Hoài Nam tử* được biên soạn vào thời kì cách đời Tần khoảng không đầy 50 năm, vì vậy những ghi chép trong bộ sách đáng tin cậy và có giá trị gần với sự thực lịch sử hơn cả.

Tần: “Thuỷ Hoàng lại tham sừng tê, ngà voi, phỉ thúy và ngọc chu cơ đất Việt, sai viên úy Đồ Thư điều động 50 vạn quân sĩ, chia thành 5 lộ đại quân: một lộ chặn đỉnh núi Đàm Thành, một lộ phòng thủ quan ải Cửu Nghi, một lộ trú đóng trong thành Phiên Ngung, một đạo tản ra khắp đồng hoang Nam Dã, một lộ tập trung ở cạnh sông Dư Can; binh lính các lộ trong 3 năm không cởi áo giáp bỏ cung nỏ. Giám Lục không có cách chuyển vận lương hướng, bèn dùng quân sĩ đào sông khai thông đường chở lương, dựa vào đó tác chiến với người Việt. Quân Tần giết chết một chi của tộc người Việt, tức thủ lĩnh Dịch Hu Tổng của người Tây Âu”¹. Chúng chiếm được cả vùng Lĩnh Nam, chia thành 3 quận sáp nhập

¹ Nguyễn Tôn Nhan (giới thiệu và dịch giải): *Hoài Nam Tử - cuộc đời, tư tưởng và toàn văn Hoài Nam Hồng Liệt, quyển 2, Thiên mười tám: Nhân gian huấn (quan sát quan hệ chuyển hóa giữa họa và phúc, lợi và hại)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr.513.

vào để chế Tàn là Nam Hải, Quế Lâm, Quận Tượng (hay Tượng Quận).

Sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* chép: “Sau ba năm hành quân (kể từ 218 TCN), quân Tàn mới tiến đến đất Lĩnh Nam của người Việt. Đất Lĩnh Nam bây giờ tương ứng với các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và là địa bàn sinh sống của người Mân Việt, Tây Âu... Năm 214 TCN, với một lực lượng mạnh, quân xâm lược Tàn đã chiếm được cả vùng Lĩnh Nam, giết chết tù trưởng Tây Âu là Dịch Hu Tổng, chia đất Lĩnh Nam thành 3 quận sáp nhập vào lãnh thổ để chế Tàn (3 quận là Nam Hải, Quế Lâm, Quận Tượng). Nhưng bây giờ người Việt Tây Âu không chịu khuất phục, kéo nhau chạy vào rừng, dưới sự chỉ huy của các tù trưởng chiến đấu chống lại quân Tàn”¹.

¹ Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.48.

Lúc này hai tộc người Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt vốn gần gũi về địa vực cư trú, về kinh tế và văn hóa, lại có điều kiện liên kết chặt chẽ với nhau hơn trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Khi quân Tần đánh chiếm xuống vùng Bách Việt, hai nhóm cư dân là Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt đã liên minh lại để chống quân Tần: “Trước cuộc kháng chiến chống Tần, nhóm 10 bộ lạc Tây Âu của Thục Phán mà truyền thuyết người Tày ở Cao Bằng gọi là nước Nam Cương đã có nhiều mối quan hệ chặt chẽ với nước Văn Lang của Hùng Vương. Mối quan hệ vừa giao lưu, liên kết, vừa đấu tranh, xung đột giữa hai nhóm tộc người gần gũi nhau về dòng máu, về địa vực, về kinh tế, văn hóa như vậy là cơ sở và cũng là bước chuẩn bị cho sự hợp nhất người Lạc Việt - Tây Âu để mở rộng và phát triển nước Văn Lang”¹.

¹ Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015, tr.110.

Theo sách *Hoài Nam Tử*, lúc này “Toàn bộ người Việt trốn vào rừng rậm, ở chung với cầm thú, không chịu làm tù binh của quân Tần. Người Tây Âu chọn người dũng mãnh mạnh dủ làm tướng lĩnh, đang đem tấn công Tần”¹. Đó là hình thức phôi thai của lối đánh du kích lấy ít địch nhiều và thông qua lối đánh này mà lực lượng kháng chiến của người Việt ngày càng lớn mạnh; còn quân Tần dần dần bị dồn vào thế tiến thoái lưỡng nan. “...Họ đã chọn cử người “kiệt tuấn” lên làm tướng. Thục Phán chính là người có đủ tài năng, uy tín để làm chủ tướng chống quân Tần của người Tây Âu khi đó. Thục Phán lên nắm vai trò thủ lĩnh, đã liên kết với cư dân Lạc Việt chống trả ngoan cường, khiến cho quân Tần càng tiến sâu về phía nam càng liên tiếp phải hứng chịu những thiếu thốn “lương thực bị tuyệt và thiếu”, lại lâm vào cảnh “tiến không

¹ *Hoài Nam Tử*, Sđd, tr.513.

được, thoái cũng không xong”, phải chuốc lấy thất bại to lớn như: tướng chỉ huy bị giết, rất đông quân lính phơi thây trên chiến trường”¹. “Miền ấy tương đương với nước Nam Cương của truyền thuyết mà quân trưởng chính là Thục Phán. Việc “cùng nhau đặt người kiệt tảo” lãnh đạo kháng chiến chứng tỏ có hội nghị của Nam Cương và Văn Lang, cả hai đều chưa bị Tần đặt làm quận huyện, bầu con người có tài năng độc đáo về cung nỏ lên lãnh đạo cuộc kháng chiến chung. Người đó là Thục Phán”².

Kết cục thảm bại nặng nề của quân Tần đã khiến cho lòng dân nước Tần oán thán, chứa chất ý chí phản kháng. Khi quân Tần đã lâm vào tình thế nguy khốn và tuyệt vọng, trên đà chiến thắng, người Việt tập

¹ Vũ Duy Mền (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.164-165.

² Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003, tr.629.

hợp lực lượng tổ chức đánh lớn nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đại phá quân Tần, giết chết chủ tướng Đồ Thư, buộc nhà Tần phải bãi binh. Hay như ghi chép của *Sử ký*: “Người Việt bỏ trốn. (Quân Tần) trì cử lâu ngày. Lương thực bị tuyệt và thiếu. Người Việt ra đánh. Quân Tần đại bại”¹. “Thủy Hoàng đành phải bỏ tù nhân trấn giữ biên cương phía nam”². Việc “Người Việt ra đánh. Quân Tần đại bại” vào lúc Tần Thủy Hoàng còn tại vị và giết được tướng giặc là Đồ Thư là một sự nghiệp rất đáng kể. Đây là thắng lợi oanh liệt đầu tiên của cả dân tộc ta chống lại họa xâm lược của phong kiến phương Bắc, làm thất bại âm mưu xâm lược và đô hộ nước ta của đế chế Tần.

Quá trình liên kết này đã tăng cường mối quan hệ thân thiện vốn có giữa hai tộc người của Bách Việt. “Cuộc chiến (chống

¹ *Sử ký Tư Mã Thiên*, Phan Ngọc dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

² *Hoài Nam Tử*, Sđd, tr.513.

Tần) kéo dài 5 - 6 năm đã thắt chặt quan hệ đoàn kết, gắn bó vốn có của người Tây Âu và người Lạc Việt. Thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến càng củng cố và nâng cao uy tín của Thục Phán, không những trong người Tây Âu, mà cả trong người Lạc Việt [...]. Các thủ lĩnh người Việt cổ, do yêu cầu của cuộc chiến đấu đã suy tôn Thục Phán lên làm người chỉ huy cao nhất: “họ đặt người kiệt tuấn lên làm tướng”,...¹.

Thần tích đền/đình Chèm (nay thuộc phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội) và sách *Lĩnh Nam chí quái* cho biết trước cuộc tấn công của quân Tần, Thục Phán đã cống Lý Ông Trọng cho quân Tần để cầu hoà. Lý Ông Trọng (Lý Thân) vốn không phải là tướng của Thục Phán mà là tướng của Hùng Vương thuộc nước Văn Lang. Chi tiết này xác nhận Thục Phán thực sự là người đứng đầu lãnh đạo kháng chiến và

¹ Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Sđd, tr.110.

đại diện chung cho toàn bộ cộng đồng Nam Cương, Văn Lang.

Sau khi cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, trong điều kiện cộng đồng cư dân Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt đã hình thành và uy tín ngày càng cao của Thục Phán, Thục Phán đã thay thế Hùng Vương, tự xưng là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc¹. “Quốc gia Âu Lạc ra đời là kết quả của một quá trình dung hợp hòa bình, tuy không tránh khỏi có những xung đột của hai tộc Tây Âu và Lạc Việt. Hai tộc này đã cùng giúp đỡ lẫn nhau, đoàn kết chống lại sự uy hiếp mạnh mẽ của thế lực ngoại bang. Trong chiến đấu hoạn nạn, họ được một thủ lĩnh tài ba là Thục Phán lãnh đạo. Sau khi đánh tan giặc ngoại xâm, hai tộc Tây Âu, Lạc Việt thống nhất xây dựng một

¹ *Sách Việt sử* lược chép rằng: “Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay”, còn một số ngọc phả và truyền thuyết dân gian lại cho rằng sau nhiều cuộc xung đột, cuối cùng Hùng Vương theo lời khuyên của con rể là Thánh Tản Viên đã nhường ngôi cho Thục Phán.

quốc gia mới với lãnh thổ rộng lớn hơn, dân số đông hơn. Thông qua sự lựa chọn khá nhất trí của cộng đồng dân cư Tây Âu - Lạc Việt và việc nhường ngôi tự nguyện của Hùng Vương, Thục Phán đã được cử làm người đứng đầu quốc gia Âu Lạc và đóng đô tại Cổ Loa. Quốc gia Âu Lạc tuy mới được thành lập, nhưng đây là một sự kế thừa và phát triển cao hơn trên cơ sở của nước Văn Lang thời Hùng Vương”¹.

II. THỤC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ NƯỚC ÂU LẠC

Quá trình ra đời của nước Âu Lạc được xem là kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Tần xâm lược, mà ở đó, thủ lĩnh tối cao là Thục Phán - An Dương Vương đã thống nhất, tập hợp hai tộc người Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt tham gia kháng chiến chống quân

¹ Vũ Duy Mền (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*. Sđd, tr.164-165.

Tần, đến khi thắng lợi, ông được suy tôn làm vua và lập lên nước Âu Lạc. Tên nước Âu Lạc bao gồm hai thành tố là Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt, phản ánh sự liên kết của hai nhóm người Lạc Việt và Tây Âu. Lãnh thổ nước Âu Lạc cũng được mở rộng trên cơ sở sáp nhập hai vùng lãnh thổ Văn Lang và Tây Âu. “Sự thành lập nước Âu Lạc không phải là kết quả của một cuộc chiến tranh thôn tính, tiêu diệt, mà là một sự hợp nhất cư dân và đất đai của Lạc Việt và Tây Âu, của Hùng và Thục. Vì vậy, nước Âu Lạc là một bước phát triển mới, kế tục và cao hơn nước Văn Lang”¹.

Nước Âu Lạc của An Dương Vương chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn (khoảng gần 30 năm, từ năm 208 đến năm 179 TCN), nhưng đã có những đóng góp đặc biệt to lớn vào tiến trình phát triển của lịch sử đất nước. Với vị trí là người lãnh đạo cao

¹ Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Sđd, tr.111.

nhất của nước Âu Lạc, Thục Phán - An Dương Vương đã khẳng định vai trò và công lao to lớn của mình trong buổi đầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong thời kì trị vì nhà nước Âu Lạc, với một tầm nhìn chiến lược, ý chí, quyết tâm dựng nước và giữ nước mạnh mẽ, An Dương Vương đã quyết định dời vị trí trung tâm của đất nước từ vùng núi Phong Châu (xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ ngày nay) của nước Văn Lang xuống vùng đồng bằng rộng lớn và thuận lợi hơn, lập Kinh đô tại Phong Khê (nay là thành Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội), xây dựng đất nước. Cổ Loa nằm ở vùng đồng bằng giáp trung du của lưu vực sông Hồng, trên bờ bắc Hoàng Giang. Ngày nay, Hoàng Giang chỉ là một đoạn sông đã bị bồi lấp và đã được cải tạo thành một kênh thủy nông. Nhưng theo các tài liệu địa lí học và lịch sử xưa kia, Hoàng Giang là một con sông lớn, nối liền sông Hồng với sông Cầu ở Quả Cảm - Thổ Hà.

Do vậy, về phương diện giao thông đường thuỷ, Cổ Loa có một vị trí vô cùng thuận lợi hơn bất kì ở đâu tại đồng bằng Bắc Bộ vào thời ấy. Đó là vị trí nối liền mạng lưới đường thuỷ của sông Hồng và mạng lưới đường thuỷ của sông Thái Bình. Hai mạng lưới đường thuỷ này chi phối toàn bộ hệ thống đường thuỷ tại Bắc Bộ Việt Nam. Từ Cổ Loa, theo Hoàng Giang có thể ngược lên sông Hồng, rồi theo sông Hồng, sông Đà, sông Lô có thể lên tận miền núi rừng phía bắc và tây bắc hay theo sông Hồng, sông Đáy có thể xuôi xuống vùng đồng bằng và ra biển. Từ Cổ Loa, theo Hoàng Giang cũng có thể xuôi xuống sông Cầu để qua sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam lên miền núi rừng đông bắc hay theo Lục Đầu Giang xuống sông Thái Bình, sông Kinh Thầy tỏa rộng khắp vùng đồng bằng ven biển.

Cổ Loa nằm giữa vùng đồng bằng, ở vị trí trung tâm của đất nước và là đầu mối của các hệ thống giao thông đường thuỷ, dân

cư đông đúc¹, kinh tế phát đạt, lại được xây dựng trên một vùng đất đã được khai phá có xóm làng cư trú từ lâu đời. Cổ Loa sớm trở thành “trung tâm hội tụ của văn minh sông Hồng” - nơi diễn ra quá trình phát triển liên tục từ sơ kỳ đồng thau cho đến sơ kỳ đồ sắt. Việc dịch chuyển kinh đô của đất nước từ Phong Châu về Cổ Loa, với vị trí địa lí, giao thông, kinh tế như vậy đã đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử dựng nước, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Thục Phán - An Dương Vương, đặt nền móng cho muôn đời sau. Đây là sự thay đổi mạnh mẽ, là bước chuyển dịch vĩ đại của

¹ Số liệu dân số thành Cổ Loa thời Âu Lạc, Nam Việt đến nay vẫn chưa được xác định rõ. Nhưng theo chỉ dẫn của sách *Hán thư*, Cổ Loa thuộc huyện Tây Vu, có khoảng 32.000 hộ, chiếm gần 1/3 dân số của quận Giao Chỉ (92.440 hộ) và gần bằng số hộ của quận Cửu Chân (35.743 hộ). Cổ Loa hiện nay có tới 62 dòng họ, trong đó các họ lớn là Nguyễn, Đào, Hoàng, Trương, Lại, Đỗ, Chu, Tái, Phạm, Trần, Vũ, Chử, Lê, Hà, Đặng, Cao, Bùi, Ngô, Dương, Đồng, Vương... So với các làng xã khác thuộc đồng bằng trung du Bắc Bộ thì số lượng các dòng họ ở Cổ Loa là khá nhiều.

người Việt cổ trong công cuộc chinh phục vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, đánh dấu giai đoạn người Việt chuyển trung tâm quyền lực từ vùng trung du bán sơn địa về định cư tại vùng đồng bằng. Việc định cư tại đồng bằng chứng tỏ một bước tiến lớn trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế; trong giao tiếp, trao đổi, con người dễ dàng đi lại bằng đường bộ hay bằng đường thủy; trong nông nghiệp có bước tiến đáng kể về kỹ thuật trồng lúa nước, mức độ dân cư cũng đông đúc hơn. Đồng thời, điều này chứng tỏ một yêu cầu phát triển mới của nước Âu Lạc: Kinh đô của nước Âu Lạc không thể ở vùng trung du như trước nữa, mà phải là một trung tâm về mọi mặt của đất nước. Với việc lập đô ở Cổ Loa, miền đồng bằng của đất nước, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và văn hóa, Thục Phán - An Dương Vương - người đứng đầu Nhà nước Âu Lạc đã tỏ rõ ý chí mạnh mẽ, tự tin vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đến thời Bắc thuộc, mặc dù không còn là Kinh đô của một nhà nước độc lập, nhưng Cổ Loa vẫn là trung tâm của toàn miền lãnh thổ Âu Lạc về mọi mặt kinh tế, quân sự, văn hóa. Nơi đây vẫn được người Việt hướng về để tăng thêm sức mạnh trong cuộc đấu tranh khôi phục nền độc lập dân tộc¹. Kế tục sự nghiệp đế đô của Thục Phán - An Dương Vương, ở đầu thế kỉ X, sau chiến thắng Bạch Đằng, năm 939, Ngô Quyền xưng vương và chọn đóng đô tại Cổ Loa, kinh đô cũ của nước Âu Lạc, để tỏ ý nối lại quốc thống xưa², “trung hưng lại đất Việt”, khơi lại mạch nguồn truyền thống dựng nước và giữ nước của An Dương Vương. Đây cũng là một bước đi quan trọng trong tiến trình định đô của dân tộc

¹ Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân: *Địa chí Cổ Loa*. Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2007, tr.6.

² Phan Huy Lê di cảo: *Nhận thức Lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.35.

ta, là bước chuẩn bị để người Việt tiến đến mảnh đất định đô của đế vương muôn đời: Thành Đại La - kinh đô Thăng Long sau này. Kinh đô của các triều đại quân chủ Việt Nam về sau chủ yếu đều chọn không gian châu thổ Bắc Bộ với phần lõi là vùng đất Thăng Long - Hà Nội để mưu nghiệp lớn. Rõ ràng, Thăng Long - Hà Nội là cái gạch nối dài của Cổ Loa. “Cổ Loa có đến cả nghìn năm là trung tâm phát triển của lịch sử - văn hóa, trung tâm sản xuất và trao đổi hàng hóa lớn nhất, lâu dài, liên tục và tiêu biểu cho cả vùng châu thổ sông Hồng [...]. Cổ Loa với tư cách là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa của nước Âu Lạc, là đỉnh cao và biểu tượng sáng giá của nền văn minh Sông Hồng, phải được coi là đại diện tiêu biểu nhất, không chỉ cho kinh đô của các nhà nước Văn Lang - Âu Lạc ở phía Bắc, mà cho toàn bộ các kinh đô, đô thành của thời

đại dựng nước đầu tiên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam”¹.

Thục Phán - An Dương Vương thành lập nước Âu Lạc vào thế kỉ III TCN, với toàn bộ người gốc Lạc Việt, bổ sung thêm người Âu Việt (Tây Âu). Nước Âu Lạc là bước kế tục và phát triển cao hơn của nước Văn Lang và trên một phạm vi lãnh thổ rộng lớn hơn của người Lạc Việt và Âu Việt (Tây Âu). Dưới sự trị vì của vua Thục Phán - An Dương Vương, mặc dù nước Âu Lạc tồn tại trong thời gian ngắn (từ năm 208 TCN đến năm 179 TCN) nhưng các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều

¹ Nguyễn Quang Ngọc: *Vị thế của Kinh đô - Thủ đô Cổ Loa, Thăng Long, Hà Nội trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, trong Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an - Thành ủy Hà Nội: *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Tầm nhìn mới, cơ hội mới xây dựng Thủ đô Hà Nội Văn hiến - Văn minh - Hiện đại, Thành phố kết nối toàn cầu*, Hà Nội, ngày 07/10/2024, tr.26.

tiếp tục phát triển cao hơn trên cơ sở những thành quả đạt được của nước Văn Lang trước đây. Văn hóa Đông Sơn vẫn là cơ sở văn hóa chung của nước Văn Lang và Âu Lạc. “Bước tiến từ họ Hùng đến họ Thục là bước tiến từ nước Văn Lang đến nước Âu Lạc, đánh dấu sự tập hợp ngày càng rộng hơn của những cộng đồng người nhỏ (hay những bộ lạc, bộ tộc nhỏ) nhưng gần gũi nhau về nhiều mặt: địa dư, trình độ phát triển xã hội, văn hóa... thành một cộng đồng lớn hơn, tiến tới hình thành một “nhà nước” có cương vực lớn hơn, có các cơ cấu hoàn chỉnh hơn, để đáp ứng yêu cầu của tình thế lúc đó là: chống ngoại xâm và phát triển xã hội”¹. Khảo cổ học đã phát hiện được những dấu tích của những trung tâm dân cư, trung tâm kinh tế, những dấu tích kiến trúc dạng cung đình, kiến trúc tôn

¹ Nguyễn Lộc: *Bước đầu tìm hiểu mối quan hệ Hùng Vương và Thục Vương*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 137, tháng 3 và 4/1971, tr.59.

giáo và cùng với nó là những lễ nghi, lễ hội, phong tục tập quán truyền thống có từ lâu đời vẫn được bảo tồn đến ngày nay. Đó là những di sản của nhà nước Âu Lạc của vua Thục Phán - An Dương Vương còn đến ngày nay tại thành Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Chế độ chính trị - xã hội, tổ chức bộ máy nhà nước và các đơn vị hành chính của nước Âu Lạc căn bản vẫn chưa có nhiều thay đổi nhưng được tăng cường và hoàn chỉnh hơn về tổ chức, nghĩa là có tính chất tập quyền hơn so với nhà nước Văn Lang của các vua Hùng. Đứng đầu Nhà nước là Vua tức Thục Phán - An Dương Vương. Dưới đó, trong triều có các Lạc hầu giúp Vua cai quản đất nước. Ở các địa phương (các bộ) vẫn do các Lạc tướng đứng đầu quản lý. Đơn vị hành chính cấp cơ sở vẫn là các công xã nông thôn (kẻ, chiềng, chạ) do Bô chính đứng đầu quản lý. Tuy nhiên, ở thời An Dương Vương, quyền hành của

nhà nước cao hơn và chặt chẽ hơn. Vua có quyền thế hơn trong việc cai trị đất nước.

Việc thành lập nước Âu Lạc là kết quả của sự hợp nhất hai bộ tộc Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt đã có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, bước đầu xác lập nền văn hóa, văn minh sơ khai. Nông nghiệp, thủ công nghiệp, văn hoá đồng thau đã phát triển tới đỉnh cao. Về kinh tế, sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo, việc dùng cày đồng với sức kéo của gia súc đã phổ biến trong sản xuất của cư dân Âu Lạc. “Địa vực canh tác được mở rộng không ngừng, xuất hiện những vùng trồng lúa tại lưu vực các sông Nhuệ - Đáy, đồng bằng hữu ngạn sông Hồng, diện tích khai hoang lần biển ngày một lớn, các loại giống lúa mới năng suất cao được đưa vào gieo trồng, sản lượng lương thực được tăng nhanh, trồng dâu nuôi tằm được đẩy mạnh”¹. Cư

¹ Vũ Duy Mên (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*. Sđd, tr.174.

dân Âu Lạc còn biết chăn nuôi và thuần dưỡng nhiều động vật, như: Chó, lợn, gà, trâu, và có thể cả dê nữa hoặc đánh bắt cá bằng lưới và các công cụ đan bằng tre, nứa...

Thủ công nghiệp có những tiến bộ hơn, trước hết là nghề luyện kim. Trên cơ sở kĩ thuật đồ đồng thau phát triển, người Âu Lạc đã nắm được kĩ thuật rèn sắt. Thủ công nghiệp lúc này đã tách ra khỏi nông nghiệp, không còn là một nghề phụ của gia đình nữa. Tầng lớp thợ thủ công ra đời. Nghề luyện kim, chế tác kim loại được chuyên môn hoá là một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Âu Lạc không ngừng được cải thiện và nâng cao. Cư dân Âu Lạc đã có thể giới quan, có đời sống tinh thần rất phong phú, với nhiều biểu hiện khác nhau như: Quan niệm về thế giới sống - chết, về thần linh, về tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội...

Về quân sự, vua Thục Phán - An Dương Vương đã xây dựng được một đạo quân khá mạnh “giỏi cung nỏ, thạo thủy chiến”¹. Số quân thường trực được luyện tập thường xuyên trong triều đình Cổ Loa lên đến hàng vạn người, sách *Việt sử lược* chép: “...An Dương Vương... dạy được một vạn quân lính”². Ông ra lệnh cho cấp dưới ra sức huấn luyện binh sĩ ngày đêm tập bắn nỏ. Còn mình thì thường giám sát tập bắn ở trên “Ngự xa đài”³. An Dương Vương cũng phát

¹ Trước đó, Nhà nước Văn Lang chưa có quân đội thường trực mà chỉ có lực lượng vũ trang tự vệ ở các bộ lạc, thực chất là lực lượng các trai tráng trong những chiềng, mường, kẻ (chạ) trực thuộc các bộ lạc. Khi hữu sự, Vua Hùng có thể huy động các lực lượng trai tráng đó bảo vệ bộ lạc hoặc liên minh các bộ lạc. Vua Hùng là người chỉ huy tối cao liên minh các bộ lạc (15 bộ) chống giặc ngoại xâm hoặc các công việc thủy lợi đảm bảo nguồn nước cho nông nghiệp trồng cây lúa nước. Đây cũng chính là vai trò và chức năng của một Nhà nước sơ khai - Nhà nước Văn Lang.

² Trần Quốc Vượng (dịch): *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr.18.

³ Xem: *Tướng quân Cao Lỗ: Bước ra từ huyền sử*. Báo Nhân dân, ngày 18/01/2013. Dấu vết của “Ngự xa đài” vẫn còn ở góc đông bắc ngoài thành Nội của Cổ Loa.

triển thủy binh và cho chế tạo nhiều vũ khí lợi hại, tạo lợi thế quân sự vững chắc cho Cổ Loa. “Nhiều loại hình vũ khí mới được xuất hiện và cải tiến phù hợp với thực tế như mũi tên đồng ba cạnh, rìu, dao găm, giáo, qua đồng... số lượng vũ khí Đông Sơn được gia tăng mạnh trong thời gian Âu Lạc tồn tại. Trong các khu mộ táng Đông Sơn đã được phát hiện tại Việt Nam, nhất là tại khu vực châu thổ sông Hồng và phụ cận như: Vinh Quang, Làng Cả, Châu Can, Việt Khê..., số lượng vũ khí (dao găm, rìu, giáo, mũi tên...) đều chiếm khoảng 64% hiện vật tùy táng... Bộ vũ khí Đông Sơn thời Âu Lạc chủ yếu tăng mạnh về số lượng với hai loại hình chính vẫn là rìu và giáo. Ngoài ra, đã xuất hiện dao găm đúc cán hình người trong các di vật được phát hiện và trên những hình trang trí của đồ đồng Đông Sơn”¹.

¹ Vũ Duy Mền (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*. Sđd, tr.174.

Do yêu cầu bức thiết của cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, trong thời Âu Lạc, kĩ thuật quân sự có những tiến bộ vượt bậc. Đó là việc sáng chế ra nỏ Liên Châu bắn một lần nhiều phát tên, được coi là loại vũ khí mới, lợi hại mà truyền thuyết dân gian gọi là “nỏ thần” hoặc “Linh quang kim trảo thần nỏ” (nghĩa là: Nỏ thần làm bằng móng rùa linh thiêng). Điều này tuy có mang tính huyền thoại, song đã được thực tế khảo cổ học minh chứng cho cốt lõi lịch sử được phản ánh trong truyền thuyết với một kho mũi tên đồng gồm hàng vạn mũi tên đồng đào được tại khu vực Cầu Vực, phía nam Kinh thành Cổ Loa cách thành Ngoại vài trăm mét (năm 1959). Đó là một loại mũi tên gồm đầu tên có ba cạnh và chuôi dài cắm vào tên. Rải rác nhiều nơi trong và ngoài thành cũng tìm thấy mũi tên có kiểu dáng khác nhau. Năm 2005, cuộc khai quật Đền Thượng phát hiện di tích lò đúc mũi tên đồng cùng các khuôn đúc mũi tên ba cạnh,

cho phép xác định rằng khu vực tây nam thành Nội xưa là một binh xưởng đúc mũi tên trang bị cho quân đội của vua An Dương Vương. Có hai chiếc lẫy nỏ trưng bày ở Bảo tàng Lịch sử quốc gia được phát hiện ở Cổ Loa, có niên đại cách ngày nay khoảng 2.500 - 2.000 năm. Từ nguồn tư liệu này, các nhà nghiên cứu đã khẳng định: “Những mũi tên đồng phát hiện ở Cổ Loa có lẽ không phải từ nơi khác mang lại, mà đã được chế tạo từ một lò đúc xây dựng ngay tại Cổ Loa [...]. Và những mũi tên đồng tìm thấy ở Cổ Loa không thể không liên quan đến chuyện nỏ thần của một nhân vật lịch sử mà chúng ta vẫn gọi là Thục An Dương Vương”¹.

Những ghi chép của sử sách Trung Quốc như: *Giao Châu ngoại vực ký*, *Nam Việt chí*, *Việt kiều thư*... luôn đánh giá cao sức mạnh quân sự với việc dùng nỏ thần của

¹ Dương Minh: *Thử nhận định về những mũi tên đồng phát hiện ở Cổ Loa*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 14 tháng 5/1960, tr.46.

Thục Phán - An Dương Vương. “Thư tịch cổ của Trung Quốc cũng xác nhận tài dùng nỏ nổi tiếng của quân đội Âu Lạc, và ghi chép theo lối phóng đại của huyền thoại dân gian: Mỗi phát giết được ba trăm người (*Giao Châu ngoại vực ký*); bắn một phát giết chết quân Việt hàng vạn người, bắn ba phát giết đến ba vạn người (*Nam Việt chí*); mỗi phát tên đồng xuyên qua hơn chục người (*Việt Kiệu thư*)”¹.

Ngoài loại vũ khí có tác dụng thần diệu trong chiến đấu ra, thắng lợi của Âu Lạc trong những lần giao chiến với Nam Việt còn thể hiện tiềm lực quân sự đương thời của Âu Lạc rất hùng mạnh. Đặc biệt, Vua Thục Phán - An Dương Vương đã xây dựng một trung tâm chính trị, quân sự tại vùng kinh tế phát triển nhất, có vị trí thuận tiện là thành Cổ Loa, để triều đình Âu Lạc dễ dàng lãnh đạo đất nước trong điều kiện

¹ Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Sđd, tr.127.

chiến tranh cũng như hòa bình. Sự ra đời của thành Cổ Loa cũng là một trong những minh chứng hùng hồn và sinh động cho quá trình phát huy tinh thần đoàn kết, đấu tranh chống kẻ thù dưới thời Âu Lạc.

Có ca dao:

Ai về qua huyện Đông Anh

*Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục
vương*

Cổ Loa thành ốc khác thường

Trải bao năm tháng dấu thành còn đây¹.

Đại Việt sử ký toàn thư chép về ngôi thành này như sau: “Bấy giờ, Thục Vương đắp thành ở Việt Thường, rộng nghìn trượng, cuốn tròn như hình con ốc, cho nên gọi là Loa Thành, lại có tên là thành Tư Long (người nhà Đường gọi là thành Côn Lô, vì thành rất cao)”². Sách *Việt Kiệu thư*, mục *Cổ tích* viết: “Việt vương thành:

¹ Nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội.

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr.6.

tại huyện Đông Ngàn, Phủ Nghệ An (*thực ra là huyện Đông Ngàn phủ Bắc Giang, nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội*), lại có tên là Loa thành, vì tường thành quanh co xoáy như trôn ốc, do An Dương Vương xây dựng thời Hán. Kinh đô cũ của An Dương Vương là ở đất Việt, nên lại gọi là Việt vương thành. Trong thành nền móng cung điện vẫn còn, tục gọi là thành Khả Lũ”¹. *Nam Việt chí* miêu tả thành của An Dương Vương có chín vòng chu vi chín dặm. Dân gian đã huyền thoại hóa công việc gian khổ, tốn công tốn sức này thành những câu chuyện mang tính thần thánh, tiên nữ...² được người đời sau chép lại, trong đó đặc sắc nhất là Truyện

¹ Lý Văn Phụng: *Việt Kiệu thư* (Châu Hải Đường khảo đính và dịch), Nxb. Hội Nhà văn, 2022, tr.81.

² Xem *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Sdd, tr.6-9; Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa, Các truyền thuyết về thời kỳ An Dương Vương và nước Âu Lạc*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2007, tr.674-687.

Rùa vàng (*Kim Quy truyện*) được ghi vào quốc sử¹.

Theo các nhà nghiên cứu tự nhiên về địa hình, địa mạo thì “khu vực Cổ Loa - Đông Anh luôn nằm ở cạnh phía đông bắc, song lệch hơn về phía đỉnh của tam giác châu sông Hồng ở cả hai thế hệ, trong đó khu vực Phù Lỗ, Sóc Sơn nằm trong phạm vi rìa phía bắc của tam giác châu thế hệ thứ nhất, còn Cổ Loa lại nằm ở rìa phía bắc của cạnh tam giác châu thế hệ thứ hai. Đặc điểm đó tạo nên những điều kiện thuận lợi cho việc định đô và xây thành”².

Tuy vậy, việc xây dựng một tòa thành quân sự vào những năm trước Công nguyên

¹ Theo truyền thuyết, thành xây nhiều lần nhưng đều đổ. Sau có thần Kim Quy hiện lên, bò quanh bò lại nhiều vòng dưới chân thành, lại dùng kế diệt trừ yêu quái. Thục An Dương Vương bèn cho xây theo dấu chân Rùa vàng. Từ đó, thành xây không đổ nữa.

² Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa, Các truyền thuyết về thời kỳ An Dương Vương và nước Âu Lạc*, Sđd, tr.30-31.

không được dễ dàng và suôn sẻ. Theo các thư tịch và truyền thuyết lưu truyền, khi bắt đầu đắp thành gặp nhiều sự cố, cứ đắp lên thì hôm sau thành lại bị sụt lở. Sau nhiều lần kiên trì và rút kinh nghiệm, thậm chí nhà vua An Dương Vương còn tự thân cầu khẩn trời đất và thần linh sông núi, cuối cùng một tòa thành bề thế, uy nghi đã được hình thành với tên gọi là Thành Cổ Loa.

Thành Cổ Loa theo tương truyền gồm 9 vòng xoáy tròn ốc, nhưng căn cứ trên dấu tích hiện còn, các nhà khoa học nhận thấy thành có 3 vòng thành là: Thành Nội, thành Trung và thành Ngoại, chu vi khép kín của ba vòng thành lên tới hơn 16km¹. Cả ba vòng

¹ Thành Nội hình chữ nhật có chu vi 1.650m, cao khoảng 5m, rộng khoảng từ 6 đến 12m và chỉ mở 1 cửa ở phía nam. Tương truyền đây chính là nơi thiết triều của vua Thục. Thành Trung là một vòng thành khép kín bao phía ngoài thành Nội với chu vi 6.500m, có 5 cửa là Bắc, Đông, Nam, Tây Bắc và Tây Nam, trong đó cửa Đông là một cửa đường thủy mở lối cho một nhánh sông Hoàng chảy vào sát thành Nội. Thành Ngoại dài khoảng 8.000m có 3 cửa Bắc, Đông và Tây Nam, trong đó cửa Đông là cửa thông ra sông Hoàng.

thành đều có ngoại hào, nối liền nhau và thông với Hoàng Giang tạo thành một mạng lưới giao thông đường thủy rất tiện lợi. Ngoài ba vòng thành và hào khép kín, khoảng giữa các vòng thành và phía ngoài thành Ngoài còn có nhiều đoạn lũy cùng các ụ đất được sắp xếp và có chức năng như những “hỏa hòi” hay “công sự chiến đấu”. Hệ thống hào - sông và hệ thống lũy, công sự tại ba vòng thành Cổ Loa kết hợp chặt chẽ trở thành một phòng tuyến bảo vệ “vừa có thể tiến công, đồng thời vừa có thể cố thủ và rút lui”.

Bằng nỗ lực phi thường, An Dương Vương và quân dân Âu Lạc, chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng xong Thành Cổ Loa đồ sộ và độc đáo. Vua An Dương Vương - người tổng chỉ huy đã tận dụng triệt để những yếu tố tự nhiên về địa hình địa vật để tạo ra một tòa thành cao hào sâu, có đủ các yếu tố thuận lợi cho phòng thủ và tấn công: thủy bộ liên hoàn, trong ngoài kết hợp, ta thì tiến thoái đều nhanh, địch

thì khó bề xâm phạm. Thành Cổ Loa, với vai trò là Kinh đô của Âu Lạc, mang 3 chức năng: Kinh thành, Quân thành, Thị thành và được các nhà khảo cổ đánh giá là một trong những kinh đô cổ nhất trong khu vực Đông Nam Á, là tòa thành cổ nhất, quy mô lớn vào bậc nhất, cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong lịch sử xây dựng thành lũy của người Việt cổ.

Với vai trò phòng thủ quân sự, “Thành Cổ Loa là một công trình lao động quy mô lớn của nhân dân Âu Lạc. Số lượng đất đá đào đắp, chuyên chở đòi hỏi hàng vạn nhân công. Thành Cổ Loa thể hiện tài năng sáng tạo của người Âu Lạc. Khi đắp thành, điều kiện địa hình của vùng này (sông nước, cồn gò, đầm vực...) được nghiên cứu và vận dụng phù hợp. Thành Cổ Loa được thiết kế, quy hoạch hợp lý và sáng tạo (dùng sông làm hào, dùng gò cao, dải đất cao làm lũy...). Xây thành giữa một vùng có nhiều đầm vực lầy, úng, nhân dân Âu

Lạc đã phát minh kĩ thuật kê đá tảng để chân thành thêm vững chãi. Thành Cổ Loa cũng thể hiện nghệ thuật quân sự tài giỏi của quân dân Âu Lạc. Đây là một công trình phòng ngự kiên cố và lợi hại, một căn cứ bộ binh gồm nhiều công trình phòng thủ (lũy, hào, ụ công sự, lũy tiền vệ) liên tiếp nhau. Tính sáng tạo và độc đáo của công trình này thể hiện ở chỗ Cổ Loa vừa là một căn cứ bộ binh, vừa là một căn cứ thủy quân quan trọng. Thuyền chiến có thể vận động khắp ba vòng hào phối hợp tác chiến với bộ binh, có thể từ căn cứ Cổ Loa tỏa ra sông Hoàng Giang, ngược sông Hồng, xuôi sông Cầu và ra biển. Thành Cổ Loa chung đúc hai truyền thống về tài năng quân sự của người Âu Việt và người Lạc Việt: Truyền thống thạo cung nỏ và truyền thống thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền”¹.

¹ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr.71-72.

Thành Cổ Loa của An Dương Vương ra đời là một chứng tích lịch sử oanh liệt nhất về thời kì dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Với những di tích hiện còn, đây là công trình lao động đồ sộ, một kỳ công của người Việt cổ trong buổi đầu dựng nước, khi dân số Âu Lạc thuở đó mới khoảng 1 triệu người¹. Vua An Dương Vương cho xây thành Cổ Loa có nhiều nét tương đồng với kỹ thuật xây thành Bản Phủ (nay thuộc phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng), thể hiện tầm nhìn chiến lược và chứng minh tài năng quân sự của thủ lĩnh

¹ Theo *Giao châu ngoại vực ký* cho biết thì đến năm 111 TCN, số nhân khẩu đăng ký của nước Âu Lạc là 40 vạn người (có lẽ là số đinh), còn theo *Tiền Hán thư địa lý chí* thì cả 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam chỉ có 143.633 hộ với 981.735 nhân khẩu. (Dẫn theo: Nguyễn Đức Nhuệ: *Cuộc kháng chiến chống Tần và nhân vật An Dương Vương qua thư tịch và các nghiên cứu*, in trong “*Quá trình hợp nhất Hùng - Thục và cuộc kháng chiến chống quân Tần xâm lược (Kỷ yếu Hội thảo “Thục Phán - An Dương Vương với Cao Bằng” lần 2)*”, do Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cao Bằng phối hợp với Viện Sử học Việt Nam tổ chức, tháng 10/2024).

quân sự tài ba và khả năng lao động sáng tạo của người Việt cổ cuối thế kỉ III - đầu thế kỉ II TCN. Chi tiết nhà vua xây thành được Rùa vàng giúp đỡ, chi tiết Rùa vàng cho vuốt để vua An Dương Vương chế tạo nỏ thần đã khẳng định việc làm của nhà vua được lòng dân, hợp lòng trời nên được cả thần và người cùng giúp đỡ.

Sự xuất hiện thành Cổ Loa với kiến trúc rất quy mô, độc đáo, thế đất chọn hiểm trở phù hợp với truyền thuyết “thần tiên giúp xây thành”, lại phù hợp với sử sách ghi là “Côn Lôn thành”, “tam trùng thành quách”, “thành 9 vòng chu vi 9 lý”, v.v... chứng minh một trình độ cao về tổ chức xã hội và cả về văn hóa vật chất, đủ sức chặn đứng những cuộc tiến công quân sự của quân Triệu Đà sau này. Thành Cổ Loa vừa là một đô thị cổ, vừa là một trung tâm quân sự, có cả làng mạc, vùng đô hội, có tất cả mọi ngành nghề. Cổ Loa mang đặc điểm của

một “đô thị nông nghiệp và thủy lợi, thủ công nghiệp và thương nghiệp sơ khai”¹. Những gì đã phát hiện cho phép xác định rằng khu vực tây nam thành là một “binh công xưởng” làm nhiệm vụ đúc mũi tên trang bị cho quân đội của vua An Dương Vương. Giá trị của tòa thành này thể hiện ở chính vai trò “là kinh đô, là một quân trấn, một hệ thống phòng thủ vừa có chiều rộng, vừa có chiều sâu, thể hiện trí thông minh và lòng dũng cảm của tổ tiên ta”². Cổ Loa với tư cách là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa của quốc gia Âu Lạc là biểu tượng sáng giá của văn minh sông Hồng. “Thành Cổ Loa là một chỉ tiêu phản ánh tập trung sự phát triển nhiều mặt của

¹ Hoàng Văn Khoán (Chủ biên): *Cổ Loa trung tâm hội tụ văn minh sông Hồng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.410.

² Hồng Nam, Hồng Lĩnh: *Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1954.

nước Âu Lạc đòi An Dương Vương. Nó không những chứng tỏ tài năng lao động sáng tạo, những tiến bộ về kĩ thuật xây dựng, về kĩ thuật và nghệ thuật quân sự của người Việt cổ, mà còn biểu thị một bước phát triển mới của Nhà nước Âu Lạc, của quyền lực xã hội, của sự phân hóa xã hội”¹.

Như vậy, nước Âu Lạc ra đời, thông qua các dấu ấn vật chất còn bảo lưu đến ngày nay, như thành Cổ Loa, mũi tên đồng,... là cơ sở cho chúng ta khẳng định rằng nước Âu Lạc đã tiến tới trình độ văn minh và xác lập dấu ấn văn hóa riêng của cộng đồng cư dân sơ khai trên đất nước Việt Nam cách ngày nay hơn 2.000 năm. Trong đó, với cương vị là người lãnh đạo cao nhất của nước Âu Lạc, Vua Thục Phán - An Dương Vương thể hiện rất rõ nét vai trò của người đứng đầu, tổng chỉ huy việc xây dựng, phát triển đất nước Âu Lạc - một

¹ Phan Huy Lê (Chủ biên): *Lịch sử Thăng Long Hà Nội*, tập 1, Nxb. Hà Nội, 2011, tr.143.

bước phát triển mới, kế tục và cao hơn nước Văn Lang trong buổi đầu xây dựng và bảo vệ đất nước. Dấu ấn và bản sắc văn hóa riêng được hình thành từ thời kì nhà nước Âu Lạc chính là một trong những yếu tố quyết định để dân tộc Việt Nam vượt qua hơn 1.000 năm Bắc thuộc, “trong các tộc Việt ở Nam Trung Quốc mà sử Trung Quốc gọi là Bách Việt, chỉ có cư dân Âu Lạc là không bị Hán hóa và tồn tại với tư cách một quốc gia độc lập”¹.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG TRIỆU ĐÀ XÂM LƯỢC CỦA NHÂN DÂN ÂU LẠC

Trong cuộc chiến tranh chinh phục Bách Việt, quân Tần tuy bị tổn thất nặng nề và thất bại ở Âu Lạc, nhưng đã chiếm được miền đất rộng lớn của người Việt và lập ra 4 quận là Mân Trung (Chiết Giang, Phúc Kiến, Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm

¹ Phan Huy Lê di cảo: *Nhận thức Lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.35.

(bắc và đông Quảng Tây) và Quận Tượng (tây Quảng Tây và nam Quý Châu). Năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng chết, đế chế Tần suy yếu, 4 quận ở phía nam trên thực tế đã thoát dần khỏi sự quản lý và kiểm soát của triều đình Trung ương. Nhân cơ hội đó, Triệu Đà (vốn là người Hán) tranh thủ cơ hội chiếm lấy quận Nam Hải; giữ các cửa ải và chặn các đường giao thông từ bắc xuống, diệt trừ những quan lại nhà Tần có ý chống đối và thay bằng những người thân cận, cùng phe cánh lập ra chính quyền cát cứ của họ Triệu ở Phiên Ngung¹. Năm 206 TCN, nhà Tần bị diệt. Triệu Đà lập tức đánh chiếm cả quận Quế Lâm và Quận Tượng, thành lập nước Nam Việt và tự xưng là Nam Việt Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung. Nước Nam Việt của nhà Triệu chính thức ra đời từ đó. Năm 183

¹ Nay là thành phố Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

TCN, Triệu Đà tự xưng là Nam Việt Vũ Đế, lập thành một nước riêng, không chịu thần phục nhà Hán và đẩy mạnh các hoạt động bành trướng lãnh thổ, trong đó hướng chủ yếu là nước Âu Lạc ở phương Nam.

Thư tịch và truyền thuyết dân gian Việt Nam chứng minh: Triệu Đà từng nhiều lần đem quân sang xâm lược Âu Lạc, nhưng đều bị thất bại. Các cuộc chiến đấu giữa Nam Việt và Âu Lạc trong giai đoạn này diễn ra chủ yếu trên vùng núi Tiên Du (xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngày nay), đến núi Vũ Ninh (núi Trâu, phường Đào Viên, tỉnh Bắc Ninh ngày nay), sông Bình Giang (sông Đuống ngày nay). Ngay tại chiến trường chính này, quân của nhà Triệu đã gặp sự kháng cự mãnh liệt của quân dân Âu Lạc.

Lúc bấy giờ, Âu Lạc là một nước có nền kinh tế phát triển, đặc biệt nghề trồng lúa nước trên một diện tích rộng lớn ở châu thổ

sông Hồng và sông Mã đã đem lại bội thu hàng năm, số lượng tích trữ lương thực dồi dào. Hơn nữa, nước Âu Lạc có số dân đông đảo, lực lượng quân sự rất hùng mạnh, với số quân đông, được huấn luyện chu đáo và được trang bị những vũ khí lợi hại như nỏ Liên Châu (dân gian thường gọi là “nỏ thần”), mũi tên đồng, rìu, giáo, qua đồng,... có tòa thành Cổ Loa kiên cố, công thủ toàn diện, cộng thêm có một nền văn hóa bản địa Đông Sơn rực rỡ. Triệu Đà tuy muốn bành trướng xuống phương nam, cũng không dễ dàng chinh phục một nước Âu Lạc đang trong thời kì phát triển toàn diện. Quan trọng hơn, đội quân này lại được sự chỉ huy tài tình của vua Thục Phán An Dương Vương - vị chủ soái có kinh nghiệm nhiều năm chiến trận cùng các tướng soái tài ba như Cao Lỗ, quân dân Âu Lạc đã nhiều lần đánh bại và đánh lui quân Triệu Đà xâm lược ở vùng đồi núi Tiên Du và Vũ

Ninh. Sự thất bại của đội quân xâm lược nhà Tần và những đợt xâm lược đầu tiên của Triệu Đà chứng tỏ tinh thần đoàn kết, ý thức tự chủ của cư dân Âu Lạc đã phát triển trên cơ sở nền văn hóa Đông Sơn.

Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà xâm lược được sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép như sau: “Tân Mão (năm 210 TCN). Mùa đông, tháng 10, Tần Thủy Hoàng mất ở Sa Khâu. Nhâm Ngao và Triệu Đà đem quân sang xâm lấn. Đà đóng quân ở núi Tiên Du, Bắc Giang đánh nhau với Vua (tức Thục Phán - An Dương Vương). Vua đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Bấy giờ Ngao đem thủy quân đóng ở Tiểu Giang [...], vì phạm thổ thần nên bị bệnh, phải rút về”¹. *Thủy kinh chú* sớ cho biết: “An Dương Vương có nỏ thần, bắn một phát giết chết 300 người. Nam Việt Vương biết không thể đánh được,

¹ *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.8.

lùi quân về đóng ở huyện Vũ Ninh... huyện này thuộc quận Giao Chỉ”¹.

Sau nhiều lần tấn công thất bại, biết không thể chinh phục nước Âu Lạc bằng vũ lực, Triệu Đà quyết định thay đổi thủ đoạn xâm lược bằng cách xin giảng hòa với vua An Dương Vương và xin cầu hôn công chúa My Châu cho con trai mình là Trọng Thủy. Điều này được sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép lại: “Đà biết Vua có nỏ thần, không thể địch nổi, bèn lui binh giữ núi Vũ Ninh, sai sứ đến giảng hoà. Vua mừng, bèn chia từ Bình Giang trở lên phía Bắc thuộc quyền cai trị của Đà, trở về Nam thuộc quyền cai trị của vua. Đà sai con là Trọng Thủy vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là My Châu. Vua bằng lòng”².

¹ Lịch Đạo Nguyên chú: *Thủy kinh chú sớ* (Nguyễn Bá Mão dịch), Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.427.

² *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Sđd, tr.8.

Lợi dụng tục ở rể của người Việt, Triệu Đà xin cho Trọng Thủy sang ở rể tại kinh thành Cổ Loa, “để có cơ hội điều tra tình hình bố phòng cùng các bí mật quân sự của kinh thành Cổ Loa và nước Âu Lạc. Sống trên đất Cổ Loa, Trọng Thủy đã dùng tiền của để mua chuộc các Lạc hầu, Lạc tướng, li gián nội bộ chính quyền Âu Lạc nhằm làm suy yếu khối đoàn kết, giảm ý chí chiến đấu và tinh thần cảnh giác của An Dương Vương... Nắm chắc tình hình, Triệu Đà liền tổ chức cuộc tấn công xâm lược Âu Lạc, bất ngờ đánh thẳng vào kinh đô Cổ Loa”¹. Những nỗ lực bảo vệ bờ cõi của Nhà nước Âu Lạc, đứng đầu là vua An Dương Vương đã thất bại trước âm mưu thâm hiểm của kẻ thù. Sau sự kiện này là một thời kì dài dân tộc ta chịu ách đô hộ của các thế lực phong kiến phương Bắc.

¹ Trương Hữu Quýnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Sđd, tr.60.

Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà không thành công, nhưng đã để lại bài học sâu sắc cho những giai đoạn lịch sử tiếp theo của dân tộc Việt Nam. Lịch sử hình thành, phát triển của Nhà nước Âu Lạc là trang sử hào hùng với những ảnh hưởng sâu sắc và quan trọng trong lịch sử dân tộc. Đặc biệt, với vai trò đứng đầu của Thục Phán - An Dương Vương từ việc hợp nhất các bộ tộc Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt thành lập nước Âu Lạc đến sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và quân sự của Nhà nước Âu Lạc đã kiến tạo, khai mở và trở thành nền tảng góp phần hình thành nên một nền văn minh rực rỡ - văn minh sông Hồng, có bề rộng và chiều sâu trong quá trình hình thành dân tộc Việt Nam. Đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự hình thành quốc gia Đại Việt sau này và là cơ sở quan trọng để quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam phát huy

trong suốt tiến trình lịch sử. Thời Âu Lạc được coi là một giai đoạn phát triển tiếp tục của Văn Lang, tạo cơ đồ vững chắc cho dân tộc ta vào thời kì đầu dựng nước. Nước Âu Lạc không chỉ là một giai đoạn lịch sử quan trọng mà còn là biểu tượng của sự đoàn kết, tương trợ, sáng tạo, vượt khó, và là biểu tượng cho lòng yêu nước của người Việt. Sau này, sự kiện mùa Xuân năm 939, Ngô Quyền bãi bỏ chức Tiết độ sứ, xưng vương, lập ra nhà Ngô, đóng đô ở Cổ Loa với ý nghĩa nối tiếp quốc thống sự nghiệp dựng nước đời Hùng Vương, An Dương Vương, mở đầu thời kì xây dựng nhà nước độc lập trên đất nước ta đã minh chứng cho điều ấy. Như nghiên cứu của Giáo sư sử học Phan Huy Lê đã nhận xét: “Thời đại dựng nước Hùng Vương - An Dương Vương với hai thành tựu cơ bản là sáng tạo nền văn minh Đông Sơn và hình thành hình thái nhà nước đầu tiên, đã tạo lập nền tảng ban đầu nhưng

giữ vai trò rất cơ bản cho toàn bộ sự sinh tồn và phát triển của quốc gia dân tộc Việt Nam. Từ đây, người Việt trên cơ sở một lãnh thổ chung, một tiếng nói chung, một cơ sở kinh tế - xã hội gắn bó trong một chế độ Nhà nước sơ khai, một lối sống mang sắc thái riêng, biểu thị trong một nền văn minh - văn hóa chung, đã tự khẳng định sự tồn tại của mình như một quốc gia văn minh, có đủ điều kiện và khả năng vững vàng tiến lên, vượt qua mọi bão táp, thử thách của lịch sử”¹, trước hết là những thử thách hiểm nghèo của thời kì đen tối nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam - thời kì hơn 1.000 năm thống trị của phong kiến phương Bắc.

Quốc gia Âu Lạc, kế thừa truyền thống Nhà nước Văn Lang của các Vua Hùng, là tinh hoa của cả một thời đại dựng nước và

¹ Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Sđd, tr.130.

giữ nước Hùng Vương - An Dương Vương với một nền văn minh Đông Sơn rực rỡ, vẫn rạng tỏ trong lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Hiện nay, tại Khu di tích Cổ Loa còn lưu giữ được nhiều đạo sắc phong của các triều đại Lê, Nguyễn (từ thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XX) sắc ban cho xã Cổ Loa thờ phụng đức vua An Dương Vương như: “Từ xưa đã tôn thờ một vị là Thục An Dương Vương, được các triều gia phong tôn mỹ tự để tưởng nhớ, vậy cho phép phụng thờ như xưa để tỏ lòng tôn kính”. Đồng thời các sắc phong đều tôn thờ An Dương Vương là vị vua có nhiều công lao trong việc dựng nước và giữ nước của dân tộc. Như sắc phong soạn ngày 20/4 nhuận năm Đức Long thứ 01 (1629)¹ có đoạn:

¹ Năm 1629 thuộc niên hiệu Đức Long của vua Lê Thần Tông (1607 - 1662). Niên hiệu này được sử dụng từ năm 1629 đến năm 1635.

An Dương Vương là “bậc hùng tài trong thiên hạ, cử binh dương nỏ thần làm uy, sáng như sao lâu mưu làm nên sự nghiệp, giúp nước vững âu vàng, giữ vững đất Việt, tỏ rõ anh linh, công lao thật nhiều”.

Và trong tâm thức, tình cảm của mọi thế hệ người Việt Nam, hình ảnh của Thục Phán - An Dương Vương được phản ánh trong câu đối của Hoàng Giáp Nguyễn Tư Giản tại Đền Thượng:

Đế tĩnh sơn hà, thiên sinh hùng vĩ, Âu Lạc khai phong, Côn Luân triệu địa, uy chấn viêm giao, công thù thanh sử; Thành quách do tồn, nhân tâm vô dị, miếu mạo nguy nga, trường lưu thiên địa.

(Tạm dịch: Trị an sông núi, trời sinh hùng vĩ, mở mang Âu Lạc, Côn Luân đất lành, uy dội nước Nam, công ghi sử xanh; Thành quách vẫn còn, lòng dân không đổi, miếu mạo nguy nga, mãi cùng trời đất).

Phần thứ hai

VỀ NGUỒN GỐC CỦA THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG

I. CÁC QUAN ĐIỂM VỀ NGUỒN GỐC CỦA THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG

Trong quá trình nghiên cứu, các nhà học giả đều ghi nhận: Nước Âu Lạc kế tiếp nước Văn Lang và An Dương Vương kế ngôi Vua Hùng là sự kiện, nhân vật lịch sử có thật. Về nguồn gốc Thực Phán - An Dương Vương còn có ý kiến khác nhau, tựu chung lại với một số quan điểm chủ yếu sau:

1. Quan điểm Thực Phán - An Dương Vương có nguồn gốc từ nước Ba Thục (Trung Quốc)

Những ghi chép đầu tiên về nguồn gốc Thực Phán - An Dương Vương có thể tìm

thấy trong các thư tịch xưa nhất của Trung Quốc. *Sử ký* của Tư Mã Thiên được viết vào khoảng thế kỉ I TCN nhiều lần nhắc đến nước Âu Lạc ở phía tây nam của nước Nam Việt, sau bị Triệu Đà xâm chiếm, nhưng lại không cung cấp thông tin gì về Thục Phán - An Dương Vương. Các bộ sử được viết trong các giai đoạn sau có ghi chép rõ hơn rằng người thành lập nước Âu Lạc chính là Thục Phán - An Dương Vương. Các thư tịch cổ Trung Quốc đều chép thống nhất rằng An Dương Vương là con vua Thục (Thục Vương tử), nhưng không cho biết cụ thể vua Thục là ai và nước Thục là nước nào, ở đâu.

Bộ sử xưa nhất của nước ta là *Đại Việt sử lược* chỉ chép một câu về nguồn gốc của An Dương Vương: “Cuối đời Chu, Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay”. Tác giả bộ sử này cho biết thêm một yếu tố mới: An Dương Vương tên là Phán, nhưng cũng không nói rõ người ở đâu.

Từ thế kỉ XV, với *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Lĩnh Nam chích quái* thì An Dương Vương xuất hiện một cách rõ ràng trong sử sách. *Đại Việt sử ký toàn thư* mở ra một mục “Kỷ nhà Thục” và chép: “họ Thục, tên huý là Phán, người đất Ba Thục”. Hầu hết các bộ sử thời Lê và Nguyễn đều chép như vậy. Từ đó, Thục Phán - An Dương Vương được coi là con vua Thục, người Ba Thục và thời gian thành lập nước Âu Lạc được xác định là năm Giáp Thìn, Chu Noãn Vương thứ 58 tức năm 257 TCN. Nhà sử học Ngô Thì Sĩ - cuối thế kỉ XVIII, khi chép về An Dương Vương cũng nhắc lại như *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng đã bác bỏ giả thuyết An Dương Vương “họ Thục”. Ông khẳng định: “An Dương Vương huý Phán, người Ba Thục. Không đúng”.

Vào thế kỉ XIX, các sử gia triều Nguyễn đã bắt đầu đưa ra sự hoài nghi và có phê phán các ghi chép của sử cũ. *Khâm định Việt*

sử thông giám cương mục là bộ quốc sử lớn nhất triều Nguyễn, được chính vua Tự Đức chỉ đạo biên soạn, khâm duyệt. Các sử thần trong Quốc sử quán khi chép về *Kỷ nhà Thục* đã nêu lên sự bất hợp lý về thời gian và đưa ra việc phản vấn như sau: “Nước Thục từ năm thứ 5 đời Thận Tĩnh Vương nhà Chu (năm 316 TCN), đã bị nhà Tần diệt rồi, làm gì còn vua nữa? Huống chi từ Thục đến Văn Lang, còn có đất Kiến Vi, đất Dạ Lang, đất Cùng, đất Tác và đất Nhiễm Mang, cách nhau hàng hai, ba ngàn dặm, có lẽ nào Thục vượt qua được các nước ấy mà sang đánh lấy nước Văn Lang”¹.

Dưới thời Pháp thuộc, xu hướng hoài nghi hoặc phủ định quan điểm “Thục Phán - An Dương Vương có nguồn gốc từ nước Ba Thục (Trung Quốc)” càng có chiều phát triển. *Việt Nam sử lược*, bộ thông sử

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.79.

Việt Nam đầu tiên bằng chữ quốc ngữ xuất bản lần đầu vào năm 1921, dựa vào *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, cho rằng “An Dương Vương, họ là Thục tên là Phán. Như vậy chắc hẳn Thục tức là một họ nào độc lập ở gần nước Văn Lang, chứ không phải là Thục bên Tàu”¹ (nghĩa là Ba Thục Tứ Xuyên). Học giả Ngô Tất Tố phân tích sâu hơn các luận cứ, khẳng định dứt khoát bằng một bài viết với tiêu đề “*Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục*”².

Có thể thấy, các sử gia từ thời phong kiến đến thời cận đại đã nghi ngờ cả thời gian và không gian của nước Ba Thục (Trung Quốc). Qua đó có căn cứ để phủ định quan điểm nguồn gốc Ba Thục (Trung Quốc) của Thục Phán - An Dương Vương.

¹ Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Bộ Giáo dục trung tâm học liệu xuất bản, tr.10.

² Ngô Tất Tố: *Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục*, Tao Đàn số 3, ngày 01/4/1939.

2. Quan điểm về nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương theo thuyết Ai Lao Di

Năm 1969, tác giả Nguyễn Linh với bài *Bàn về nước Thục của Thục Phán* đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* lại đưa ra một thuyết mới về nguồn gốc của Thục Phán. Tác giả giải thích nước Thục trong ghi chép của thư tịch cổ là nước Tây Thục, tức Ai Lao ở phía tây bắc nước ta ngày nay¹. Theo tác giả: Cuối đời vua Hùng, Thục Phán đã từ đây mà xuống xâm lược nước ta. Đó là một cuộc chiến tranh dai dẳng và khốc liệt, cuối cùng nước Văn Lang bị diệt. Nước Tây Thục (Ai Lao) ở sát nước ta về phía tây bắc, nó nằm trên trục giao thông chủ yếu của nước ta với miền Tây Nam Di là thung lũng sông Hồng, sông Lô; Tây Thục cũng là một trạm

¹ Nguyễn Linh: *Bàn về nước Thục của Thục Phán*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 124, 7/1969, tr 33-51.

trung gian trên con đường giao thông quốc tế thời cổ giữa Trung Quốc với các nước phía tây Ấn Độ cổ đại. Tuy nhiên, tác giả cũng thừa nhận rằng “những thần tích ghi về việc Thục Phán cai trị ở Ai Lao là những tài liệu do người sau viết”.

Trong cuốn *Hùng Vương Thánh tổ Ngọc phả sưu khảo* cũng nhận định: “Họ Hùng hưởng nước kể cũng đã lâu dài. Lòng trời ắt có hạn, khiến cho Thục Vương thừa cơ gây hấn xâm chiếm Trung Hoa. Và lại Thục Vương vốn là bộ chủ Ai Lao, cũng là dòng phái của hoàng đế trước đây”¹.

3. Quan điểm về nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương theo thuyết Lạc Việt

Tác giả Nguyễn Duy Hinh trong bài *Bàn về nước Âu Lạc và An Dương Vương*

¹ Nguyễn Đức Tố Lưu, Thích Tâm Hiệp, Nguyễn Đức Tố Huân: *Hùng Vương Thánh tổ Ngọc phả sưu khảo*. Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2020, tr.93.

đăng tải trên Tạp chí *Khảo cổ học* cho rằng Thục Phán là người đứng đầu một nhóm Lạc Việt, Tây Âu là một nước của người Lạc Việt, do đó cuộc chiến tranh Hùng - Thục thực chất là cuộc đấu tranh trong nội bộ người Âu Lạc¹. Theo tác giả, Tây Âu, Tây Âu Lạc hay Âu Lạc là một nước có địa bàn chủ yếu nằm ở lưu vực sông Hồng ngày nay, trùng với bộ phận của địa bàn rộng lớn của Lạc Việt gồm từ lưu vực sông Hồng tới lưu vực Tây Giang ngày nay, tức là “trong Lạc Việt có nhiều dân tộc (theo đúng nghĩa dân tộc học ngày nay) có quan hệ lịch sử, huyết thống nào đó với nhau”.

Trong bài viết *Quá trình hình thành nhà nước Văn Lang*, Giáo sư Phan Huy Lê cũng nêu nhận định “Xung đột bên trong là sản phẩm tất nhiên của một xã hội

¹ Nguyễn Duy Hinh: *Bàn về nước Âu Lạc và An Dương Vương*, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3+4, tháng 12/1969, tr.144-154.

đã phân hóa và cũng là hiện tượng không tránh khỏi trong quá trình hình thành nhà nước cũng như trong quá trình hợp nhất các địa phương, các tập đoàn dân cư khác nhau thành cộng đồng quốc gia. Trong các cuộc xung đột thuộc loại này, cuộc chiến tranh giữa Hùng và Thục kéo dài nhất và cuối cùng kết thúc bằng sự hợp nhất giữa hai tộc người Lạc Việt và Âu Việt để mở rộng và củng cố hơn nữa khối cộng đồng”¹.

Đó là lý do đến nay, nhiều thần tích và truyền thuyết về Hùng Vương và An Dương Vương đều coi sự kiện xung đột và nhường ngôi của Hùng Vương cho Thục Phán là sự kiện xảy ra trong nội bộ người Âu Lạc, và Thục Phán cũng là người thuộc dòng dõi, tông phái hoặc là “cháu ngoại” của vua Hùng.

¹ Phan Huy Lê di cảo: *Nhận thức Lịch sử Việt Nam*. Sđd, tr.409.

4. Quan điểm về nguồn gốc Thục Phán ở Cao Bằng

Theo kết quả nghiên cứu vào năm 1963, với việc tác giả Lã Văn Lô dịch và công bố truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua (Chín chúa tranh vua)* của đồng bào Tày ở Cao Bằng, quan điểm nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng được sự đồng tình của nhiều nhà khoa học.

Cầu chúa cheng vua là truyền thuyết đề cập về nguồn gốc, cuộc đời và sự nghiệp của Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng khi mới dựng nước mà cho đến nay chưa tìm thấy ở các địa phương khác ngoài Cao Bằng. Theo đó, “Thục Phán là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc người Tây Âu ở phía bắc nước Văn Lang, theo truyền thuyết của đồng bào Tày thì liên minh bộ lạc đó là “nước Nam Cương” gồm 10 xứ mường (9 mường của 9 chúa và 1 mường trung tâm của Thục Phán) tức 10 bộ lạc hợp thành, với địa bàn cư trú

gồm vùng nam Quảng Tây, Cao Bằng và có thể rộng hơn, cả vùng núi rừng phía bắc Bắc Bộ, mà trung tâm là Cao Bằng”¹.

Khi nước Nam Cương của Thục Phán ngày càng lớn mạnh, thì nước láng giềng Văn Lang của vua Hùng suy yếu, song thường xảy ra xung đột với nhau. Đứng trước họa xâm lăng của nhà Tần, hai bên đã đoàn kết cùng chống quân xâm lược, Thục Phán là người tuấn kiệt đã được cử lãnh đạo cuộc kháng chiến. Sau khi kháng chiến chống quân Tần thắng lợi, Thục Phán thế ngôi vua Hùng, sáp nhập hai vùng lãnh thổ Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

Theo truyền thuyết, Thục Phán vốn người nước Nam Cương. Ngày nay, dấu

¹ Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa*, Sđd, tr.164.

tích kinh đô của Nhà nước Nam Cương vẫn còn ở Cao Bằng, đó là thành Bản Phủ. Bên cạnh đó còn có các di vật và các địa danh cụ thể tại Cao Bằng gắn liền với nội dung truyền thuyết, những câu chuyện thi tài của các chúa như Tổng Lăn (trống lăn) ở xã Bạch Đằng, Phiêng Pha ở xã Phan Thanh; Khau Lừa ở xã Hoà An; cây đa cổ thụ ở Cao Bình, đôi guốc đá khổng lồ cũng ở gần Cao Bình, phường Thục Phán; các địa danh gắn liền với câu chuyện làm thơ, mài kim, đun gạch, xây thành... đều tập trung ở Cao Bằng. Giả thuyết về nguồn gốc Thục Phán là người Cao Bằng cũng được phản ánh trong các thần tích, ngọc phả, trong các nghi thức thờ cúng.

Mặc dù là truyền thuyết nhưng gạt bỏ những yếu tố huyền thoại thì truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua* vẫn chứa đựng những hạt nhân hợp lý về lịch sử, là một trong những tư liệu quý cho các nhà sử học cần

phải được khai thác triệt để và tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng. Từ truyền thuyết, nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung hướng về Cao Bằng tìm quê hương Thục Phán, và tin rằng Thục Phán là thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc người Tây Âu ở phía Bắc nước Văn Lang, đó là nước Nam Cương. Như Giáo sư Đào Duy Anh đã viết: “Sự phát hiện truyền thuyết của người Tày trên kia đã khiến chúng tôi thay đổi nhiều ý kiến tranh cãi ức thuyết về sự thành lập nước Âu Lạc mà chúng tôi đã trình bày trong sách lịch sử cổ đại Việt Nam... Chúng ta có thể nói một cách đại khái rằng miền nam sông Tả Giang và lưu vực sông Hữu Giang cùng với thượng lưu các sông Lô, sông Gâm, sông Cầu là địa bàn sinh tụ của những bộ lạc Tây Âu hợp thành bộ lạc liên hiệp Nam Cương mà Thục Phán là tù trưởng tối cao”¹.

¹ Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005, tr.27-28.

Tác giả Phạm Như Hồ và Đỗ Đình Truật cho rằng “vị trí nước của Thục (tức nước Nam Cương trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*) nằm ở đầu sông Tả Giang (tức Tây Giang, thuộc tỉnh Quảng Tây), phía nam Trung Quốc và giáp miền đông nước Văn Lang, gồm đất Cao Bằng ngày nay và một vài vùng lân cận mà trung tâm là Cao Bình”¹. Hai tác giả cũng nêu quan điểm: Thục ở đây không phải là nước Thục, mà là họ Thục (Thục Chế, Thục Phán, Thục Mô). Thục Phán là con Thục Chế, Thục Chế xưng An Trị Vương, đóng đô ở Cao Bình (thuộc phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng ngày nay), còn Thục Phán sau khi kế ngôi Vua Hùng, nhập Văn Lang, Nam Cương làm nước Âu Lạc, xưng là An

¹ Phạm Như Hồ, Đỗ Đình Truật: *Vài ý kiến quanh truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua”*, in trong *Hùng Vương dựng nước*, tập III, tr.397.

Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa (thuộc xã Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày nay).

Đặng Nghiêm Vạn và Trần Quốc Vượng trong *Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam* khẳng định: Thục Phán là Thủ lĩnh một liên minh bộ lạc người Tây Âu hay người Tày cổ ở vùng rừng núi Nam Quảng Tây và Bắc Bắc Bộ mà trung tâm hoạt động ở vùng Cao Bằng¹.

Năm 1985, Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn... khi biên soạn *Lịch sử Việt Nam* cũng đồng quan điểm cho rằng Thục Phán là một Thủ lĩnh của bộ Nam Cương, mà địa bàn chủ yếu là tỉnh Cao Bằng ngày nay².

¹ Đặng Nghiêm Vạn, Trần Quốc Vượng: *Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam*, in trong Thông báo khoa học, tập II - Sử học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1966, tr.74-82.

² Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985, tr.129.

Năm 2000, Nguyễn Minh Tường trong *Trở lại vấn đề quê gốc của Thục Phán và vị trí nước Thục trong lịch sử* nhận định: Thục Phán là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc người Tây Âu ở vùng phía bắc Bắc Bộ Việt Nam và miền nam Quảng Tây Trung Quốc, trung tâm là đất Cao Bằng ngày nay¹.

Tại Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV tổ chức tại Cao Bằng tháng 7/2006, các nhà nghiên cứu đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát một số di tích và truyền thuyết có liên quan tại xã Hòa An và phường Thục Phán (tỉnh Cao Bằng) và thấy rõ sự trùng khớp thống nhất giữa di tích và truyền thuyết, đặc biệt là các câu chuyện về Thục Phán - An Dương Vương và nước Nam

¹ Nguyễn Minh Tường: *Trở lại vấn đề quê gốc của Thục Phán và vị trí nước Thục trong lịch sử*, in trong *Lịch sử cổ trung đại Cao Bằng (Kỷ yếu hội thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cao Bằng, Cao Bằng, 2000, tr.28.

Cương đã ăn sâu vào ký ức của nhân dân từ lâu đời¹.

Cuốn *Thời đại Hùng Vương - Lịch sử văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội* nêu nhận định: Thục Phán là một lãnh tụ của nước Nam Cương của người Âu Việt, địa bàn chủ yếu của nước Nam Cương là tỉnh Cao Bằng ngày nay và miền đất nằm ở phía đông sông Tả Giang của Quảng Tây... Thục Phán là một nhân vật nằm trong khối cộng đồng người Việt, hoạt động ở miền Bắc nước Văn Lang, trong đó có tỉnh Cao Bằng ngày nay... Ông đã thành lập nước Âu Lạc bằng uy tín của ông. Uy tín của Thục Phán cho phép ông đoàn kết được người Âu Việt (Tây Âu) và Lạc Việt. Khối đoàn kết này là cơ sở

¹ Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An: *Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc*, Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV tổ chức tại Cao Bằng, tháng 7/2006.

chính trị, là nguồn gốc mọi lực lượng để người Việt đánh bại quân Tần¹.

Những nghiên cứu mới về nguồn gốc An Dương Vương được công bố trong sách *Địa chí Cổ Loa*, phần *Tư liệu lịch sử và các giả thuyết khoa học*, các tác giả xác nhận giả thuyết, trong đó cho rằng: “Thục Phán là một thủ lĩnh của một liên minh bộ lạc người Tây Âu ở phía bắc nước Văn Lang, theo truyền thuyết của đồng bào Tày thì liên minh bộ lạc đó là nước Nam Cương, gồm 10 xứ Mường (9 Mường của 9 chúa và 1 Mường trung tâm của Thục Phán), tức 10 bộ lạc hình thành, với địa bàn cư trú gồm vùng Nam Quảng Tây, Cao Bằng và có thể rộng hơn, cả vùng núi phía bắc Bắc Bộ, mà trung tâm là Cao Bằng. Nhân dân Cổ Loa (Hà Nội) cũng tương truyền rằng, An Dương Vương Thục Phán vốn là “một

¹ Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Hưng: *Thời đại Hùng Vương - Lịch sử văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2007, tr.240-244.

tù trưởng miền núi”, là người quê quán gốc tích ở miền rừng núi phía Bắc”¹.

Qua những thư tịch và tư liệu, truyền thuyết trên, có thể khẳng định quan điểm Thục Phán là người Tày cổ, là thủ lĩnh liên minh bộ lạc Âu Việt (Tây Âu) mà trung tâm là Cao Bằng là có căn cứ. Hơn nữa, đến nay những tập tục, truyền thuyết dân gian tại Cổ Loa và vùng xung quanh cũng phù hợp với cách lý giải về nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương là người Tày cổ giống như truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, và “Trong tâm thức dân gian vùng Cổ Loa luôn ghi nhớ nguồn gốc “người thượng du, một tù trưởng miền núi” của Thục Phán. Thậm chí còn nói rõ quê gốc của Thục Phán - An Dương Vương là Cao Bằng”².

¹ Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa*, Sdd, tr.198-199.

² Nguyễn Quang Ngọc: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr.89, 90.

II. MỘT SỐ TƯ LIỆU LỊCH SỬ VỀ NHÂN VẬT THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG GẮN LIỀN VỚI CAO BẰNG

1. Tư liệu truyền miệng

Trong kho tàng tư liệu truyền miệng như truyền thuyết, truyện cổ tích Việt Nam, số lượng truyền thuyết về lịch sử chiếm một tỉ lệ lớn. Tại Cao Bằng còn lưu truyền rộng rãi truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua (Chín chúa tranh vua)* liên quan đến thời kỳ Thực Phán - An Dương Vương. Nội dung cốt truyện kể về cuối thời Hùng Vương, ở phía Nam Trung Quốc có một nước là Nam Cương, gồm miền Tây tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) và cả vùng Cao Bằng ngày nay. Nước Nam Cương gồm 10 xứ mừng, mừng Trung tâm vua ở, nơi vua đóng đô gọi là Kinh đô Nam Bình (nay là Cao Bình, thuộc phường Thực Phán, tỉnh Cao Bằng); còn 9 mừng xung quanh

do 9 chúa cai quản. Theo truyền thuyết thì Thục Chế làm vua nước Nam Cương 60 năm, khi Thục Chế mất, con là Thục Phán còn ít tuổi nhưng được thay thế vua cha làm vua. Các chúa không phục nên cả 9 chúa mừng đều đem quân về bao vây kinh thành đòi nhường lại ngôi vua.

Thục Phán tuy còn nhỏ tuổi nhưng tỏ ra là người thông minh tài giỏi, trí tuệ hơn người. Thục Phán thách 9 chúa cùng nhau đấu võ, ai thắng sẽ được nhường ngôi vua, kết quả bất phân thắng bại, nên không ai được nhường ngôi vua. Thục Phán lại bày ra cuộc đua tài: Ai giỏi nghề gì làm nghề đó, hẹn 3 ngày 3 đêm thì kết thúc, ai hoàn thành đúng hạn trước sẽ được làm vua. Mỗi chúa một việc thách nhau: Đi lấy trống đồng, dùng cung bắn trụi hết lá đa, làm một nghìn bài thơ, nhổ mạ cánh đồng Phiêng Pha đem về cấy ở cánh đồng Tổng Chúp, đóng thuyền rồng, đeo đá làm guốc, nung vôi và

làm gạch để xây thành, lấy lưỡi cày mài thành trăm chiếc kim. Thục Phán một mặt ký giao kèo để các chúa thi đấu, mặt khác lại chọn 9 cung nữ đủ tài sắc, văn võ kiêm toàn, lên đi theo các chúa, dùng mỹ nhân kế để làm thất bại cuộc đua tài của họ, khi sắp sửa thành công. Kết quả là các chúa thi nhau mất rất nhiều công sức mà không chúa nào thắng cuộc. Thục Phán mưu lược hơn người nên vẫn giữ được ngôi vua, tiếp tục thay cha trị vì nước Nam Cương. Nhân dân trăm họ kính yêu Thục Phán. Các chúa đều quy phục. Nước Nam Cương trở nên cường thịnh. Nhân lúc nước láng giềng là Văn Lang suy yếu, Thục Phán đánh chiếm lấy thành lập nước Âu Lạc, hiệu là An Dương Vương, đóng đô ở Cổ Loa.

Ngoài nội dung kể về quá trình thu phục các chúa của Thục Phán trên vùng đất Cao Bằng, truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua* còn được minh chứng bằng các di vật, các

địa danh cụ thể gắn liền với những câu chuyện thi tài và các hoạt động khác của Thục Phán và các chúa ở vùng đất Cao Bằng, như các địa danh: Tổng Lăn (trống lăn) ở xã Bạch Đằng - khu vực đèo Cao Bắc giáp giới tỉnh Thái Nguyên; cánh đồng Phiêng Pha ở xã Phan Thanh; Khau Lừa (Đồi thuyền) ở xã Hoà An; cây đa cổ thụ, đôi guốc đá khổng lồ và cánh đồng Tổng Chúp ở phường Thục Phán; các địa danh làm thơ, mài kim, đun gạch, xây thành... đều tập trung ở Cao Bằng.

Truyền thuyết về thời Thục Phán - An Dương Vương còn lại đến ngày nay đã trải qua một khoảng thời gian trên 2.000 năm, được truyền từ đời nọ sang đời kia. Truyền thuyết được bổ sung thêm nhiều chi tiết và biến đổi dần đi. Có thể các nhà nho nước ta thuở trước đã ghi chép hoặc kể lại truyền thuyết chính của thời kì Thục Phán - An Dương Vương, và trong việc làm này họ

đã uốn nắn truyền thuyết dân gian theo quan điểm của họ. Những sách ghi chép truyện dân gian cổ nhất của nước ta còn lại đến ngày nay, có ghi chép nhiều truyền thuyết về thời Hùng Vương và Thục Phán - An Dương Vương. Nhà sử học Ngô Sĩ Liên khi viết sử đã đặc biệt chú ý đến nguồn tài liệu dân gian. Ông là sử gia đầu tiên đã hệ thống hóa một số truyền thuyết chủ yếu về thời kì Hùng Vương chuyển tiếp sang Thục Phán - An Dương Vương để viết phần đầu của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, phần nói về nguồn gốc dân tộc, về sự nghiệp mở nước của tổ tiên.

2. Tư liệu thành văn

Các tư liệu thành văn có đề cập về Thục Phán - An Dương Vương được ghi chép trong các thư tịch cổ Việt Nam, Trung Quốc và các công trình nghiên cứu của các học giả, nhà khoa học ở cả trong và ngoài nước.

2.1. *Thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc*

Các thư tịch cổ ở Việt Nam và Trung Quốc có nhắc đến Thục Phán - An Dương Vương dù không nhiều nhưng cũng phác họa được những nét khái quát về một trong những vị vua ở thời kì đầu tiên dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Có thể kể đến những bộ sách tiêu biểu của Trung Quốc như: *Sử ký* của Tư Mã Thiên, *Hậu Hán thư*, phần *Quận quốc chí* của Phạm Việp (hoàn thành khoảng năm 97); *Giao Châu ngoại vực ký* (xuất hiện khoảng thế kỉ IV); *Bùi thị Quảng Châu ký* (ra đời thế kỉ V); *Thủy kinh chú sớ* của Lịch Đạo Nguyên (thế kỉ VI); *Nam Việt liệt truyện* và *Sử ký sách ẩn* của Tư Mã Trinh (thế kỉ VIII); *Quảng Châu ký* của Bùi Uyên, Cố Vi và Lưu Trùng (đời Nam Tống); *Nam Việt chí* được dẫn lại trong *Cựu Đường thư*, phần *Địa lí chí* (biên soạn thế kỉ X); *Tư Trị thông giám chủ yếu* do Tư Mã Quang chủ biên

(thế kỉ XI); *An Nam chí lược* của Lê Tắc (nửa đầu thế kỉ XIV); *Việt Kiếu thư* của Lý Văn Phụng (hoàn thành năm 1540)...

Thư tịch cổ Việt Nam sớm nhất nhắc đến Thục Phán - An Dương Vương là *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên (viết lời tựa năm 1329); tiếp đến là *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp (biên soạn khoảng đầu thế kỉ XIV, sang cuối thế kỉ XV, Vũ Quỳnh và Kiều Phú biên soạn lại); sách *Việt sử lược* - bộ biên niên sử thời Trần (khuyết danh, được biên soạn khoảng cuối thế kỉ XIV, sách đã bị thất lạc, nhưng lại được chép trong bộ *Tứ khố toàn thư*, được Tiền Hy Tộ đời Thanh hiệu đính và công bố); *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi... đều có ghi chép về thời kì An Dương Vương và nước Âu Lạc.

Thế kỉ XV, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê đã chép riêng *Kỷ nhà Thục* (quyển I, Ngoại kỷ). Sau này, các sách *Đại Việt sử ký tiền biên*,

Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ; *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú; *Vân Đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn... đều chép dựa trên thông tin của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Thế kỉ XIX có các bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu; *Sử học bị khảo*, *Việt sử cương mục tiết yếu* của Đặng Xuân Bảng...

2.2. Những nghiên cứu từ đầu thế kỉ XX đến nay

Đầu thế kỉ XX, những quan điểm mới về thời kì Thục Phán - An Dương Vương được Trần Trọng Kim nêu trong *Việt Nam sử lược* và bài viết của Ngô Tất Tố trong *Tao đàn*, số 3, ngày 13/4/1939.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, công cuộc nghiên cứu về An Dương Vương và nước Âu Lạc được gắn liền trong bối cảnh chung thời đại dựng nước

và giữ nước đầu tiên của dân tộc, nhiều phát hiện mới về tư liệu, đặc biệt là các tư liệu khảo cổ học, tư liệu dân tộc học... cho phép đặt ra những kiến giải mới, tiêu biểu là các bộ sách như: *Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thủy ở Việt Nam* của Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (năm 1960); *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh (năm 1964); *Lịch sử Việt Nam* của Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (năm 1985); *Địa chí Cổ Loa* của Nguyễn Quang Ngọc (năm 2010), *Lịch sử Việt Nam* của Vũ Duy Mên chủ biên (năm 2017)...

Bên cạnh đó, các học giả, nhà khoa học đã công bố nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề Thục Phán - An Dương Vương có giá trị, góp phần làm sáng tỏ về một thời kì lịch sử xa xưa của dân tộc. Các bài viết nghiên cứu tiêu biểu như: *Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua”* của đồng

bào Tày của Lã Văn Lô và Lê Đình Sự, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 50 - 51, năm 1963; *Vấn đề An Dương Vương và lịch sử dân tộc Tày ở Việt Nam* của Đặng Nghiêm Vạn và Trần Quốc Vượng, in trong *Thông báo khoa học*, tập II - Sử học, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, năm 1966; *Trở lại vấn đề quê gốc của Thục Phán và vị trí nước Thục trong lịch sử của Nguyễn Minh Tường* (trong *Lịch sử cổ trung đại Cao Bằng* (Kỷ yếu hội thảo) năm 2000; *Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc* của Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An trong Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV tổ chức tại Cao Bằng, tháng 7/2006...

Những năm gần đây, vấn đề về thời kì Thục Phán - An Dương Vương trong lịch sử được nhiều nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu sâu và toàn diện hơn, thể hiện qua các bài viết nghiên cứu, kỷ yếu các

cuộc hội thảo... Qua đó, nhiều nội dung liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương cũng được nghiên cứu sâu sắc hơn, đồng thời gợi mở nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để làm sáng rõ về thời kì này trong lịch sử dân tộc.

2.3. Một số công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài thời cận hiện đại

Vấn đề nhà nước Âu Lạc và Thục Phán - An Dương Vương trong lịch sử không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học trong nước mà có nhiều học giả nước ngoài đã nghiên cứu và công bố, trong đó có một số công trình tiêu biểu của các học giả Trung Quốc như: *Bắc thuộc thời kỳ đích Việt Nam* của Lã Sĩ Bằng; *Việt giang lưu vực nhân dân sử* của Từ Tùng Thạch; bài viết *Thục Vương tử chãng? Hay là Trúc Vương tử? Đặt vấn đề nghi vấn đối với nguồn gốc của An Dương Vương* của Lam Hồng Ân viết in trong cuốn *Tập luận*

văn về ngôn ngữ Choang Đông của Đàm Nãi Xương (Chủ biên). Một số công trình của các nhà khoa học phương Tây như *Vương quốc Văn Lang* của học giả Pháp H.Maspéro; *The Birth of Vietnam* (Sự ra đời của Việt Nam) của nhà sử học người Mỹ Keith Taylor; *Sự thịnh trị về văn hóa của Việt Nam thế kỷ XIV* của nhà sử học người Mỹ O.W.Wolters...

Điêm qua một số tư liệu và các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, tuy còn tồn tại những giả thuyết khác nhau, nhưng phần lớn các nhà sử học, khảo cổ học, dân tộc học đều cho rằng truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua* là một căn cứ đáng tin cho một kết luận khoa học, nhất là việc phát hiện khảo cổ học ngày càng dày đặc tại Khu di tích Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) đều khẳng định: Có một nhân vật lịch sử hiện hữu là An Dương Vương, từng giữ cương vị đứng đầu nhà nước Âu Lạc.

Đồng thời, các nhà nghiên cứu nghiêng về giả thuyết cho rằng: Thục Phán không phải là người nước Ba Thục (Trung Quốc), và An Dương Vương có họ Thục, là người Tày cổ, thủ lĩnh của liên minh bộ lạc Tây Âu thuộc nước Nam Cương, có địa bàn hoạt động chủ yếu ở Cao Bằng và kinh đô đóng tại Cao Bình (trên nền di tích thành Bản Phủ ngày nay).

3. Tư liệu dân tộc học

Bên cạnh các tư liệu truyền miệng, tư liệu thành văn thì nguồn tư liệu dân tộc học về Thục Phán - An Dương Vương là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần khẳng định mối liên hệ giữa lịch sử và văn hóa tộc người. Giả thuyết về nguồn gốc Thục Phán là người bản địa Cao Bằng còn được phản ánh trong các thần tích, ngọc phả, trong các nghi thức thờ cúng, trong ký ức dân gian, Thục Phán - An Dương Vương luôn luôn là một người có công dựng nước,

giữ nước, như một vị anh hùng được tôn kính. Trong đó, những mối liên hệ trong nghi thức, phong tục, tập quán của dân tộc Tày ở vùng Cao Bằng và vùng Cổ Loa (xã Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày nay) không chỉ là biểu hiện sinh động của đời sống tinh thần của dân tộc, là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại mà còn góp phần làm sáng tỏ thêm những yếu tố khẳng định nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng.

Trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, các địa danh, các câu chuyện gắn liền với cuộc thi tài của các chúa trên vùng đất Cao Bằng vẫn còn in sâu đậm trong ký ức nhân dân. Trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân Cao Bằng và nhân dân khu vực Cổ Loa vẫn còn nhiều tập tục - có thể gọi là một loại hình văn hoá tộc người lưu lại, liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương và thành Cổ Loa. Đồng thời, khi

ngiên cứu địa danh khu vực Cổ Loa, các nhà dân tộc học cũng tìm thấy nhiều điểm tương đồng với văn hoá truyền thống cũng như ngôn ngữ của tộc người Tày - Thái cho thấy rõ sự liên quan giữa hai kinh đô Nam Bình và kinh đô Cổ Loa của Thục Phán - An Dương Vương.

Điều này cũng góp phần cho thấy mối liên hệ mật thiết giữa vùng Cổ Loa và miền núi phía Bắc, giữa An Dương Vương và người Tày cổ, đồng thời góp phần chứng minh cho sự tồn tại của nhà nước Nam Cương vào cuối thời Hùng Vương với trung tâm là tỉnh Cao Bằng ngày nay. Đó cũng là quá trình phát triển hợp lý, liên tục, có tính kế thừa, góp phần làm sáng tỏ và khẳng định giả thuyết: Thục Phán có nguồn gốc ở Cao Bằng đã tham gia vào việc thành lập nước Âu Lạc, đóng góp vào quá trình dựng nước và giữ nước trong giai đoạn đầu tiên của lịch sử nước ta.

4. Tư liệu khảo cổ học

Qua nhiều ý kiến của các học giả trong giới sử học, từ thế kỉ III TCN, vùng đất Cao Bằng đã được gọi là một nước có tên là Nam Cương, do Thục Phán làm vua, đóng đô ở Yên Bình (gọi là kinh đô Nam Bình), trung tâm Hòa An (nay là Cao Bình, phường Thục Phán). Qua một số phát hiện lẻ tẻ của người dân địa phương trong quá trình đào, mức đất xây dựng khu vực gần bờ sông cũng đã thu được một số hiện vật như lưỡi cày đồng, mũi tên đồng, bình gốm thời Đông Hán... Cũng tương tự như những hiện vật được tìm thấy tại các khu vực khác trên địa bàn Cao Bằng, các hiện vật này đều không gắn với địa tầng văn hoá. Thời kì lịch sử dựng nước đầu tiên liên quan đến Thục Chế, Thục Phán - An Dương Vương tại vùng đất Cao Bằng được gắn với truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua* hiện vẫn lưu truyền trong cộng đồng người Tày Cao

Bằng. Nội dung truyền thuyết giới thiệu nước Nam Cương và chuyện chín chúa tranh ngôi vua Thục. Các địa danh gắn với nội dung trong truyền thuyết hiện nay vẫn còn tồn tại trên địa bàn Cao Bằng như: Tổng Chúp, Tổng Lăn, Khau Lừa, Thín Tót, Phiêng Pha... Tại Bảo tàng tỉnh Cao Bằng hiện nay đang lưu giữ 17 trống đồng, 1 mặt trống và các hiện vật khác như rìu, mũi lao, mũi giáo... liên quan đến văn hóa Đông Sơn. Đây cũng là những minh chứng không thể phủ nhận về sự hiện diện của một liên minh bộ lạc người Âu Việt (Tây Âu) hay người Tày cổ ở khu vực miền núi Bắc Bộ mà trung tâm là Cao Bằng.

Đối với di tích thành Bản Phủ (nay thuộc Cao Bình, phường Thục Phán), theo truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, Bản Phủ là thành của Tục Pẩn (Thục Phán) ở kinh đô Nam Bình - Kinh đô xưa của nước Nam Cương. Cũng theo truyền thuyết và sử sách,

thành Bản Phủ là vương phủ của nhà Mạc ở Cao Bằng thế kỉ XVI - XVII. Hiện nay, căn cứ vào những vết tích còn lại cho thấy, thành được đắp bằng đất, hình gần chữ nhật với chiều dài khoảng 110m, rộng khoảng 75m. Vào những năm 2007, 2010, Viện Khảo cổ học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tiến hành một số cuộc thăm dò thám sát. Đặc biệt, thực hiện Quyết định số 3565/QĐ-BVHTTDL, ngày 22/11/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc khai quật khảo cổ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng phối hợp với Viện Khảo cổ học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tổ chức khai quật khảo cổ tại địa điểm thành Na Lữ (khu vực Hoàng Tung, phường Thục Phán); địa điểm Thành Bản Phủ và di tích cự thạch Bản Thành (khu vực Cao Bình, phường Thục Phán) với tổng diện tích khoảng 600m², trong đó: thành Na Lữ: 400 m²; thành Bản Phủ:

150 m²; di tích cự thạch Bản Thanh: 50 m². Đến ngày 26/12/2023, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng và Viện Khảo cổ học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tổ chức báo cáo sơ bộ về kết quả khai quật khảo cổ.

Kết quả khai quật có nhiều phát hiện mới về lịch sử phong kiến Việt Nam và là cơ sở khoa học gợi mở nhiều vấn đề khoa học mới về những dấu tích về một kinh đô phong kiến ở tỉnh Cao Bằng chưa được khai quật, quan tâm đúng tầm. Trong thời gian tới rất cần có các hoạt động nghiên cứu sâu thông qua các cuộc khai quật khảo cổ quy mô lớn ở nhiều điểm tại khu vực Hoàng Tung và Cao Bình, phường Thục Phán; qua đó có được những kết quả chính xác và thuyết phục cao để khẳng định về sự tồn tại của nước Nam Cương và kinh đô Nam Bình của Thục Phán - An Dương Vương tại vùng đất Cao Bằng.

III. CÁC DI TÍCH LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG Ở CAO BẰNG

Mặc dù được xây dựng với chất liệu huyền thoại, nhưng truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua* vẫn chứa đựng những hạt nhân lịch sử khi các nhà nghiên cứu bóc tách những lớp vỏ huyền bí, phi lí bên ngoài. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Cao Bằng còn một số di tích, di vật và địa danh liên quan đến nước Nam Cương và nhân vật lịch sử Thực Phán - An Dương Vương, trong đó xin giới thiệu một số di tích sau:

1. Thành Bản Phủ (phường Thực Phán)

Theo truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, Thực Chế làm vua nước Nam Cương (phía bắc giáp Trung Quốc, phía nam giáp Văn Lang), đóng đô ở Nam Bình (nay là Cao Bình thuộc phường Thực Phán, tỉnh Cao Bằng) nằm gần sông Bằng. Thành Bản Phủ

hiện nay còn lại dấu tích khá rõ nét của kinh đô Nam Bình với 2 vòng thành: “Hiện tại, còn dấu vết của một tòa thành ở Cao Bằng, dân gian gọi là thành Bản Phủ. Tương truyền đây là thành của Tục Pẩn (Thục Phán), người đã giành chiến thắng được tôn làm vua nước Nam Cương sau cuộc đua tài “*Cầu chúa cheng vua*” (*Chín chúa tranh vua*). Thành này có hai lớp tường thành đất bao bọc gọi ra truyền thống đắp thành Cổ Loa sau khi An Dương Vương rời Cao Bằng xuống đóng đô ở đồng bằng. Vị trí của thành Bản Phủ, Cao Bằng khá phù hợp với vị trí của Tây Âu ở thế kỉ III TCN, hoặc vị trí của huyện Tây Vu sau khi bị nhập vào Nam Việt rồi Tây Hán”¹.

2. Giếng Bó Phủ và ao sen (hay hồ sen)

Giếng ở chân thành Bản Phủ, là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho khu

¹ Vũ Duy Mền (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*, Sđd, tr.143.

vực vương phủ, được gọi là giếng ngọc Bó Phủ. Giếng này có đường kính trên dưới 2m, nước trong vắt chảy quanh năm. Giếng được nhân dân tôn tạo lại vào năm 2002, được xây bằng gạch, có hình bán nguyệt. Chiều rộng của giếng là 3,5m, chiều dài giếng là 3,7m.

Khoảng đất rộng trước thành Bản Phủ và giếng Bó Phủ là khu vực ao sen (hay còn gọi là hồ sen). Trước đây ao sen rộng gần 7ha, là địa điểm thưởng ngoạn của vua quan triều đình.

3. Cánh đồng Tổng Chúp (phường Thục Phán)

Tổng Chúp có nghĩa là cánh đồng nón. Dân gian có câu ca: “Lốc chả Phiêng Pha, Đăm nà Tổng Chúp” (Nhỏ mạ Phiêng Pha/Cây ruộng xa Đồng Chúp) nói về cuộc thi cấy lúa của chúa Hoàng Tiến Đạt trong truyền thuyết.

Truyền thuyết *Cầu chúa cheng vùa* kể rằng chúa Hoàng Tiến Đạt trở tài làm ruộng. Mạ thì gieo tận cánh đồng Phiêng Pha (xã Phan Thanh ngày nay) cách thành Bản Phủ khoảng 100km, đem về cấy ở cánh đồng Tổng Chúp gần thành Bản Phủ. Đang cấy dở, thấy con trâu men tới bờ ruộng mạ, chúa Tiến Đạt lấy đá ném để đuổi trâu, đá rơi xuống một cái lũng, gọi là Thịn Túc (nay thuộc khu vực Mỏ thiếc Tĩnh Túc, xã Tĩnh Túc). Vì chúa ném đá quá mạnh nên làm cho núi lở một mảng gọi là Phja Lác (núi lở), nay gọi là ngọn Phja Vác. Chúa cấy lúa sắp xong thì có cô gái đẹp xuất hiện, chúa mừng quá, ruộng cấy dở chỉ còn bằng cái nón là xong, nhưng chúa không kịp cấy mà lấy nón úp lại, đi theo cô gái... Từ đó gọi là cánh đồng Tổng Chúp, còn người dân xã Phan Thanh đến nay vẫn còn lưu truyền câu chuyện về chúa Hoàng Tiến Đạt đã dịch chuyển các ngọn núi, mở rộng cánh đồng

và chặn dòng suối lấy nước gieo mạ... với những chi tiết ly kì, thú vị.

4. Đôi guốc đá (phường Thục Phán)

Đôi guốc đá gắn liền với truyền thuyết *Cầu chúa cheng vừa* nổi tiếng của người Tày. Đôi guốc đá là câu chuyện kể về chúa Lục Văn Thắng tham gia cuộc thi tài. Chúa đeo đá làm guốc nhưng mắc mưu mỹ nhân kế của Thục Phán - An Dương Vương, nên không kịp đục lỗ để xâu quai. Đôi guốc đá là di tích Dolmel đầu tiên được phát hiện ở miền núi cực Bắc nước ta, có niên đại vào khoảng giai đoạn cuối văn hóa Đông Sơn và sơ kì đồ sắt, phù hợp với niên đại trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vừa*.

5. Đôi thuyền - Khau Lừa (xã Hòa An)

Theo truyền thuyết *Cầu chúa cheng vừa*, chúa Lương Ngọc Tạng trở tài đóng một cỗ thuyền lớn mà thiên hạ chưa thấy bao giờ. Chúa hì hục làm ngày làm đêm. Khi làm gần xong thì có cô gái người đô

thành làm chủ quán đến chào mời... chúa đi theo nhậu và say khướt. Khi chúa tỉnh rượu thì tiếng trống hết hạn đã vang lên, chúa không kịp hoàn thiện để lật thuyền lên. Từ đó, trong dân gian gọi quả đồi là Khau Lừa tức là đồi hình chiếc thuyền nằm úp, nằm ở địa phận xã Hòa An ngày nay. Khi chúa Tạng làm thuyền rồng, các mảnh tước (tiếng Tày gọi là chấp cha) bắn ra vung vãi khắp cánh đồng gần Khau Lừa, biến thành những đàn cá tại các đầm ruộng, nên về sau cánh đồng gần Khau Lừa được gọi là Nà Pja (ruộng cá), một xóm dân cư tại đây được gọi là xóm Nà Pja.

6. Mỏ Sắt (xã Nam Tuấn)

Trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, chúa Lâm Tuyên Thượng trở tài nung gạch, nung vôi xây thành cao và dài có 5 cổng. Chúa làm nhanh thật, nhưng không ngờ lại có một cô gái xinh đẹp gánh rượu đi qua. Lời nàng chào mời nghe ngọt ngào, đôi mắt

lúng liếng đưa thật điệu dàng. Chứa cười tít mắt, uống hết chén này sang chén khác. Chứa say rượu, chắt cùi vào nung gạch, do mệt mà ngủ say. Khi tỉnh dậy, lò gạch đốt quá già gạch hóa thành quặng sắt. Cuộc thi nung vôi, gạch của chúa họ Lâm cho thấy sự phát triển của thủ công nghiệp thời cổ đại trên mảnh đất Cao Bằng. Khu vực chúa nung vôi, gạch hóa thành quặng, đó chính là khu Mỏ Sắt, xã Nam Tuấn ngày nay.

7. Dốc Tổng Lăn (xã Bạch Đằng - thuộc khu vực đèo Cao Bắc, giáp giới hai tỉnh Cao Bằng và Thái Nguyên)

Dốc Tổng Lăn là địa danh gắn với câu chuyện thi tài của chúa Nông Quang Thạc trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vùa*. Chúa Quang Thạc là vị chúa có tài đi bộ nhanh, xin vua được trở tài đi Trung Quốc mua cái trống thật to, khi đánh trống mọi người dân Nam Cương dù xa xôi hẻo lánh cũng nghe được tiếng. Trên đường trở về, chúa thấy ngay trên đèo có một quán bán

hàng. Cô chủ quán xinh xắn, miệng dẻo cất tiếng chào mời... Chứa nhậu thịt, rượu dấp mắt lại. Cái trống treo cao bị cắt đứt dây, lặn xuống sườn dốc, vang ầm ầm như sấm động. Chứa Thạc giật mình, vùng dậy, trông theo cái trống lặn xuống dốc mà tiếc đứt ruột. Nơi cái trống lặn xuống dốc được gọi là Tổng Lặn (trống lặn). Khi trống lặn xuống suối thì trúng những hòn đá nên vỡ thành nhiều mảnh. Hiện nay, tại dốc Tổng Lặn (xã Bạch Đằng - thuộc khu vực đèo Cao Bắc, giáp giới hai tỉnh Cao Bằng và Thái Nguyên) còn nhiều hòn đá bằng phẳng do trống lặn xuống tạo thành.

8. Cây đa (phường Thục Phán)

Truyền thuyết kể rằng chúa Lý Kim Đán vừa đẹp trai, vừa khỏe mạnh, hát hay. Chứa xin vua được dùng cung nỏ bắn rụng từng lá đa trên cây cổ thụ phía đông bắc kinh đô Nam Bình. Mỗi lần chứa giương cung, tên bay vèo vèo, lá đa rụng lả tả. Chưa bao lâu các cành đa rụng hết lá, tro

cành khăng khiu, chỉ còn sót lại vài lá đa. Chúa Kim Đán bỗng nghe tiếng lượn của cô gái hay tuyệt. Chúa lên tiếng hát vài câu lượn bay theo gió. Tiếng lượn bay đi bay lại, cô gái chân bước dịu dàng tới. Chúa cười tí mắt, cùng nàng nói chuyện. Nàng rủ chúa đi chơi hội. Mặt trời gác núi, nàng chia tay. Chúa quay về đến gốc đa thấy dây cung bằng da bò đã bị ai cắt đứt. Chúa thất vọng ngồi ủ rũ dưới gốc đa.

Chúa Kim Đán bắn cung để sót chỏm lá xanh trên cây đa gần kinh thành (thuộc Cao Bình, phường Thục Phán ngày nay).

9. Ngườm Kim (xã Kim Đồng)

Trong chín chúa dự thi thì chúa Trương Thiết Vận giỏi nghề rèn đúc, nên thi mài lưỡi cày làm 100 chiếc kim. Chúa kiên nhẫn và khéo léo, làm suốt ngày không nghỉ. Khi kim gần hoàn thành, chỉ còn xỏ lỗ để khâu chỉ là xong, thì một cô gái xinh đẹp lại xuất hiện..., chúa đang cùng cô gái

hàn huyền thì tiếng trống của chúa Quang Thạc lẫn xuống đốc kêu âm vang liên hồi, chúa họ Trương tưởng mình đã thua, không xâu lỗ kim nữa mà ném mạnh kim bay qua biên giới, xuyên qua ngọn núi nằm ở xã Kim Đồng ngày nay, gọi là Ngườm Kim.

Những di tích, địa danh, dấu tích, di vật còn lưu truyền đến ngày nay là minh chứng sống động, đầy sức thuyết phục chứng minh cho sự tồn tại của nhà nước Nam Cương, cho nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương. Đây là những di sản quý, phản ánh sức lao động bền bỉ, lớn lao, cũng như sự sáng tạo của ông cha ta trong buổi đầu dựng nước, chinh phục thiên nhiên và giữ nước. Qua dấu tích giúp thế hệ sau biết được về lịch sử, văn hóa của con người thời cổ, vị thế của vùng đất Cao Bằng, góp phần khẳng định Cao Bằng là vùng đất cổ có bề dày văn hoá, lịch sử, có nhiều di sản quý gắn với thời kì Thục Phán - An Dương Vương.

IV. MỐI LIÊN HỆ GIỮA CÁC DI SẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG Ở CAO BẰNG VỚI KHU DI TÍCH CỔ LOA (XÃ ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI)

Tỉnh Cao Bằng và thành phố Hà Nội là hai vùng đất còn lưu lại nhiều giá trị di sản tiêu biểu liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương với niên đại cách ngày nay hơn 2.000 năm lịch sử. Những dấu tích về kinh đô Nam Bình (nhà nước Nam Cương) và kinh đô Cổ Loa (nhà nước Âu Lạc) của Thục Phán - An Dương Vương đã góp phần phác họa nên hình ảnh về trung tâm của Nhà nước sơ khai đầu tiên trên mảnh đất Việt Nam, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Thục Phán - An Dương Vương trong quá trình trị vì khi quyết định dịch chuyển trung tâm đất nước từ vùng miền núi phía Bắc xuống vùng đồng bằng Sông Hồng, có ý nghĩa định hình cho sự phát triển lâu dài

của dân tộc. Đây là hai di sản có giá trị lịch sử và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, thể hiện rõ nét qua những dấu tích hiện nay tại khu vực Cao Bình (phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng) và Khu di tích Cổ Loa (xã Đông Anh, thành phố Hà Nội).

Tại Cao Bằng còn dấu tích kinh đô Nam Bình của nước Nam Cương mà trung tâm là thành Bản Phủ, được coi là kinh đô đầu tiên của Thục Phán - An Dương Vương khi lập nước, là trung tâm cả về vị trí địa lí và kinh tế, chính trị, văn hóa của 9 bộ lạc khác ở vùng Đông Bắc rộng lớn, được đề cập khá rõ nét trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng* vừa thời hai cha con Thục Chế, Thục Phán. Đây là vùng phủ ly, trấn ly của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam tại Cao Bằng. Đặc biệt nơi đây chính là kinh thành và Vương phủ của 3 đời vua nhà Mạc 85 năm (1592 - 1677).

Vào thế kỉ III TCN, sau khi lên ngôi vua, Thục Phán - An Dương Vương quyết định

chuyển trung tâm trị vì đất nước từ vùng núi Phong Châu (xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ) về Cổ Loa (xã Đông Anh, thành phố Hà Nội), và từ đây, Cổ Loa đã đảm nhận vai trò là kinh đô của nhà nước Âu Lạc. Trong tâm thức của người dân Việt, Cổ Loa với những câu truyện truyền thuyết huyền bí, được lưu truyền hậu thế về vua An Dương Vương xây thành Cổ Loa, thần Kim Quy, Nỏ thần... từng bước đã được tư liệu khảo cổ học minh chứng là có cốt lõi lịch sử chân thật. Trên mảnh đất Cổ Loa hiện còn lưu giữ những dấu tích vật chất về công trình kiến trúc cổ với vai trò là kinh thành, quân thành và thị thành của nhà nước Âu Lạc cách đây trên hai thiên niên kỉ và cả những dấu ấn trong đời sống tinh thần, tạo thành những di sản tiêu biểu, có giá trị và có mối liên hệ mật thiết với kinh đô Nam Bình của nước Nam Cương trong truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*. Kinh đô Nam Bình vẫn còn dấu tích

khá rõ nét, gồm có hai vòng thành, vòng ngoài có chu vi khoảng 5 km, gồm cả một vùng gò đồi thấp, quanh chân đồi được bạt dựng đứng như một bức tường thành, thuận lợi cho xây dựng phòng tuyến bảo vệ. Bờ thành phía tây chạy song song với sông Bằng đến đầu làng Bó Mạ, nối bờ thành Đông Nam chạy qua trước mặt Bản Phủ theo chân đồi ra gặp quốc lộ 4, phía Đông Bắc chạy theo chân đồi phía ngoài quốc lộ 4, lên đến đầu gò là phía Tây Bắc tiếp tục chạy theo chân đồi, ra đến bờ sông gặp bờ thành phía tây tạo thành một vòng thành khép kín. Vòng trong có thể gọi là Hoàng cung là nơi Vua ở, nằm trên một khu đất bằng phẳng đó là Thành Bản Phủ. Thành có chiều dài khoảng 110m, chiều rộng gần 100m. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra giữa thành Cổ Loa và thành Bản Phủ có sự tương đồng về cách thức và cấu trúc xây dựng. Có thể Thục Phán đã rút kinh nghiệm từ thành

Bản Phủ để xây dựng thành Cổ Loa với đặc điểm chung là tận dụng thế tự nhiên, có sông, có đồi đất, kết hợp chướng ngại vật tự nhiên và nhân tạo để dựng thành.

Những nét tương đồng trong quá trình xây dựng và cấu trúc của thành Bản Phủ và thành Cổ Loa thể hiện ở những điểm sau:

Về đặc điểm cấu tạo, thành Cổ Loa và thành Bản Phủ đều lợi dụng tự nhiên để xây dựng thành. Thành Cổ Loa là vùng đất cao được bao bọc bởi những dòng chảy lớn; thành Bản Phủ cũng nằm ở vùng đất cao được bao bọc bởi 3 mặt của dòng sông Bằng. Trong đó, thành ngoài Bản Phủ được định hình bằng việc lợi dụng địa hình tự nhiên làm một vòng thành ngoài cùng là vòng 3, cha ông xưa đã sử dụng các gò đồi tự nhiên đào đắp, nối gò thêm để làm thành, sử dụng các lũng khe tự nhiên có nước, cây, cỏ, lầy thụt để làm chướng ngại gọi trì (là các nà, thôm), nhờ gò đất tự nhiên

kết hợp trì và sông làm nên thành Bản Phủ không có hình rõ ràng. Tương tự ở thành Cổ Loa “thành trung, thành ngoại là những vòng thành khép kín lần theo các gò đồng tự nhiên” hay “do đắp nổi các gò tự nhiên men theo đầm hồ mà thành “không có hình dạng rõ ràng hay xác định”.

Về kích thước, thành nội Bản Phủ có kích thước gần hình chữ nhật được đắp vuông vức theo 4 hướng, có các cửa chính ra giữa mặt thành, giống thành nội Cổ Loa có hình chữ nhật có 4 hướng chính Nam, Bắc, Tây, Đông, mở cửa chính giữa thành hình dáng vuông vắn. Quanh thành nội Cổ Loa có đắp 12 ụ đất gọi Hỏa hồi để canh gác chia cắt quân địch. Tương tự quanh thành nội Bản Phủ có các mô đất đắp gọi Vò Mô, có chức năng tương tự nhau (4 mô đất).

Về kết cấu, tường thành ngoại Bản Phủ đi sát sông và khu Bản Phủ, Hoa Viên, Đống Tâm là vùng đất yếu để phòng xói

lở của dòng sông. Thành Bản Phủ được xây dựng từ vật liệu cuội sỏi cát, đất sét đắp theo kỹ thuật trình tường. Kỹ thuật này được áp dụng trong xây dựng thành Cổ Loa là: “ở chân thành có lớp đá, kê trên là lớp đất sét có lẫn mảnh ngói sành sứ” áp dụng kỹ thuật trình đắp.

Tại thành Cổ Loa, cũng theo truyền thuyết, “hai bên cổng của các vòng thành đều dựng miếu để thờ thần và thờ các tướng lĩnh triều đình Âu Lạc”. Về mặt tâm linh, đó là nơi để bảo hộ cho thành, cho vua và dân và cũng là nơi quan sát. Các xóm ở Cổ Loa có các điểm làm nơi thờ thổ công, thổ địa, thổ thần; đồng thời làm nơi sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm chỗ tuần canh bảo vệ an ninh “ở Cổ Loa còn 15 điểm”. Tương tự ở thành Bản Phủ, ở các chòm xóm đều có các miếu thờ thổ công, thổ địa, thổ thần.

Tại Cổ Loa, vua An Dương Vương được nhân dân rất kính trọng và tôn thờ trong

mọi nơi như các gò đất, đầm ao... Nơi nào có dấu chân hoạt động của An Dương Vương đều được ghi nhận dấu ấn lịch sử, như: Gò Vua là điểm dừng đầu tiên của An Dương Vương trong hành trình tìm đất định đô; Gò Cột Cờ là nơi cắm cờ của kinh thành Cổ Loa; Gò Đống Bắn là nơi quân lính tập luyện cung nỏ; gò Đống Dao là nơi dự trữ giáo mác cung tên; gò Đống Dân nơi vua tiếp xúc, bàn bạc với dân chúng... Toàn bộ những tên gọi đã biểu hiện sâu sắc ý nghĩa lịch sử văn hóa. Tương tự, những dấu ấn của thành Bản Phủ được nhân dân ghi nhận như Bản Phủ (dân ở), Bó Phủ (giếng nước), Vò (bản) Đống Tâm, bản Tổng Chúp (trong cuộc thi tài), Bản Thanh (nơi trường học nhà Mạc), Háng Ség (sảnh) chợ Cao Bình là nơi sảnh đường vừa là nơi giao lưu trao đổi chợ búa, vừa là nơi chờ đợi giải quyết công việc của triều

đình... đó là những dấu ấn lịch sử văn hóa thời Thục Chế, Thục Phán và thời Mạc.

Một chi tiết khá đặc biệt khác là ở Cao Bằng hiện nay vẫn còn lưu truyền huyền thoại về thành Na Lữ của Bế Khắc Thiệu năm 1430. Câu chuyện Bế Khắc Thiệu xây thành và làm nỏ thần gần như được mô phỏng theo truyền thuyết Rùa Vàng. Điều đáng được quan tâm nữa là người Tày ở Na Lữ hiện nay khi nhắc tới huyền thoại này lại giao tiếp bằng một thứ ngôn ngữ Tày đậm đặc từ Việt cổ. Huyền thoại về thành Na Lữ phổ biến trong tâm thức dân gian Tày và truyền thuyết An Dương Vương trong tâm thức người Việt, nhất là ở vùng Cổ Loa phải chăng là có cùng một nguồn cội sâu xa?¹

“Kho tàng văn hóa dân gian của các tộc người trong nhóm Việt cổ, trong đó có

¹ Dẫn theo: Nguyễn Quang Ngọc, Trần Thị Minh An: *Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc*, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, tháng 5/2006.

truyền thuyết *Pú Lương quân* và *Chín chúa tranh vua* với nhiều di tích, địa danh cụ thể hóa và lịch sử hóa truyền thuyết đó ở vùng Cao Bằng cũng góp phần bổ sung một dòng văn hóa của người Âu Việt vào quá trình hội tụ cư dân và hội nhập văn hóa thời dựng nước Văn Lang - Âu Lạc”¹. Theo truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, từ thành Bản Phủ, Thục Phán đã tổ chức nhiều cuộc thi và giành thắng lợi trước các chúa. Nay các địa danh, các câu chuyện gắn liền với cuộc thi vẫn còn in sâu đậm trong ký ức nhân dân, và trong tâm thức nhân dân vẫn còn nhiều tập tục - có thể gọi là một loại hình văn hoá tộc người lưu lại, liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương và thành Cổ Loa. Đó là các biểu tượng rùa vàng, gà trắng, trong đó gà trắng phá hoại việc xây thành Cổ Loa, rùa vàng giúp xây thành.

¹ Phan Huy Lê di cảo: *Nhận thức lịch sử Việt Nam*, Sdd, tr.31-32.

Rùa vàng, gà trắng có thể gọi là những linh vật có ý nghĩa biểu tượng trong dân tộc Tày. Nhân dân coi rùa vàng là thần giúp sức, phù trợ nhân dân, con rùa được quý trọng, tôn thờ. Con gà thì lại khác, biểu tượng gà là “vật ký thác linh hồn”, hiện nay đồng bào vẫn coi “ma gà” (phi cáy) là hiện tượng đáng sợ, khi bị “ma gà” nhập. Đồng bào coi gà trắng là “cáy khoăn” tức gà gọi hồn, vì vậy đồng bào thường kiêng nuôi gà trắng, kiêng thịt gà trắng trong những dịp lễ vui mừng... Từ những quan niệm đó đến những phong tục, tập quán của người Tày về rùa vàng và gà trắng, có thể thấy rõ “Sự tương đồng với những chi tiết trong truyền thuyết An Dương Vương xây thành Cổ Loa, những nét tương đồng ấy phải chăng có cội nguồn từ nguồn gốc Tày cổ của Thục Phán - An Dương Vương. Vì nhà vua là người Tày cổ nên những quan niệm, phong tục cổ của người Tày đã được đưa đến vùng

đất Cổ Loa”¹. Rồi tên gọi Tây Âu trước đó là tên gọi bộ lạc Tày cổ, có thể do Tày Hâu - Cần Hâu hoặc Tày Hây - Cần Hây do biến âm mà thành.

Những năm 1960 của thế kỉ trước, ở Cao Bằng còn lưu truyền “Sửa nộc sloa” tức áo lông chim trĩ và “Sửa nộc cốt” tức áo lông chim bìm bịp và một loại sang hơn là “Sửa cáy nhùng” là áo lông gà công. Đó là những chiếc áo gần với chiếc “áo lông ngỗng” của My Châu - con gái của An Dương Vương. Về chi tiết My Châu rắc áo lông ngỗng chỉ đường cho Trọng Thủy cũng gần gũi với hình ảnh “một người con gái Tày đánh dấu chỉ đường bằng cách rắc áo lông ngỗng bứt ra từ chiếc áo trên mình trong sinh hoạt nương rẫy”².

¹ Nguyễn Quang Ngọc: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.90.

² Vũ Anh Tuấn: *Cần phải tìm hiểu mẫu kẻ An Dương Vương trong mối quan hệ văn hoá Tày - Việt*, in trong *Văn hoá và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1998, tr.193.

Đồng thời, khi nghiên cứu địa danh khu vực Cổ Loa, các nhà dân tộc học cũng nhận thấy nhiều điểm tương đồng với văn hóa truyền thống và ngôn ngữ của tộc người Tày - Thái như sự xuất hiện một số từ thuộc ngôn ngữ Tày cổ còn lưu lại trong địa danh khu vực Cổ Loa: từ “Viềng” nghĩa là thành; hoặc các địa danh còn ở Cổ Loa như: Tó, Dục Nội, Uy Nỗ, Cường Nỗ, Kính Nỗ... chính là mang âm nguyên gốc hoặc biến âm từ những Đồn - Tó - Nọ... trong tiếng Tày - Thái¹. Ngay cả tên Mỵ Châu cũng đã được các nhà ngôn ngữ - dân tộc học lịch sử phân tích có nguồn gốc biến âm của tiếng Tày từ “Mẻ chữa” hay “Mẻ Châu” mà thành. Địa danh Cổ Loa có thể là biến âm từ Kẻ Lũ, hay như các từ kẻ chợ, kẻ noi, kẻ vẽ, kẻ mọc, kẻ xuôi..., từ

¹ Trần Quốc Vượng: *Suy nghĩ thêm về thành Cổ Loa, nước Âu Lạc, An Dương Vương*, in trong *Phát hiện Cổ Loa năm 1982*, Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội, 1982, tr.136-144.

“kẻ” trong nhiều từ ghép có nghĩa là người, là cái, tương tự với chữ “cổ” của người Tày cổ. Những địa danh có tên Kẻ ở Cao Bằng không thiếu, gần Thành Bản Phủ bên kia sông Bằng có Kẻ Giăng, Kế Nông...; rồi Cả Lọ, Co Lý tương ứng với Cà Lồ, Cổ Loa; Đoong Eng tương ứng với Đông Anh... Rất nhiều địa danh xung quanh thành Cổ Loa và thành Bản Phủ có sợi dây liên hệ, đó là những chứng tích cho thấy rõ sự liên quan giữa kinh đô Nam Bình và kinh đô Cổ Loa của Thục Phán - An Dương Vương.

Về tâm thức tình cảm, câu chuyện khi xây thành Cổ Loa bị đổ nhiều lần được thần thoại hóa bằng cách cho thần Kim Quy giúp. Thực chất đây là vùng đồng bằng, đất yếu, lúc đầu đào đắp lên một vài hôm sau sạt đổ. Từ kinh nghiệm Thục Phán lấy kỹ thuật đào đắp thành Bản Phủ qua vùng đất yếu đào vét đi xếp đá làm chân, dùng đất sét

lẫn các vật liệu cứng như gôm, sứ, gạch, ngói để xây dựng thành thắng lợi. Với tài trí và đức độ của mình từ việc đấu võ tổ chức thi tài thắng lợi, tự mình giữ vững ngôi vua khi mới mười tuổi đến việc lập nước Âu Lạc, xây thành Cổ Loa và việc truyền tải những tinh hoa văn hóa của bộ lạc Âu Việt đến Cổ Loa, nhân dân Cổ Loa rất tin tưởng, nể phục và kính trọng ông, tôn ông là ông chủ của họ, tôn công chúa My Châu (con gái ông) là bà chủ. Vì vậy, những việc ông làm đều được nhân dân kính trọng. Làng ông ở là Kẻ Chủ, thành được gọi là Thành Chủ, bồng của người Tày cổ ông đưa đến được gọi là bồng chủ. Bồng chủ được trang trọng rước kiệu cùng kiệu rước vua (Thục Phán), bà chủ (My Châu).

Trong văn hóa ẩm thực, truyền thống đặc sắc ở Cổ Loa là làm bồng, làm bún, nấu rượu và cũng chính tại Cổ Loa, từ ngàn đời nay, người dân nơi đây vẫn

trồng, khai thác và chế biến nhiều món ăn ngon từ quả trám đen - đặc sản nổi tiếng của Cao Bằng¹. Đồng thời, đã từ lâu, bỏng chủ là món ăn đặc sản nổi tiếng ở Cổ Loa và tương truyền, đây là lương khô của quân lính Thục Chế, Thục Phán². Tại đây, người dân vẫn làm một loại bánh đặc biệt, là bánh chưng tròn dài mà người Cổ Loa gọi đó là món bánh chưng Tày; chính người dân nơi đây cũng không biết chính xác vì sao họ lại làm

¹ Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Yakovlev) được trồng lâu đời ở Khu di tích lịch sử Thành Cổ Loa thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội. Riêng tại thôn Thượng (xã Cổ Loa) còn khoảng 100 cây trám to, có cây 200 năm tuổi, tập trung nhiều ở khu vực thành Cổ Loa.

² Tương truyền, từ thời Âu Lạc, khi đề đối phó với quân xâm lược Triệu Đà, bên cạnh việc chế tạo vũ khí, Thục Phán - An Dương Vương cũng đã truyền lệnh chế biến một loại lương thực cho quân lính, bắt nguồn từ những sản vật của nền văn hóa lúa nước, người dân đã sử dụng nếp cái hoa vàng, kết hợp với những nguyên liệu như: thảo quả, vùng lạc, mật mía... để tạo nên một loại lương khô có tên là Bỏng chủ. Từ đó, món bỏng chủ là thực phẩm chính trong những chuyến hành quân của quân dân vào thời đó.

món này, chỉ biết các cụ từ bao đời nay vẫn truyền lại như vậy và xung quanh cũng chỉ có Cổ Loa mới làm bánh chưng Tày và chế biến nhiều món ăn ngon từ quả trám đen mà thôi.

Còn ở thành Bản Phủ (phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng), nghề làm bỏng (thúc théc), làm bún, nấu rượu là nghề truyền thống lâu đời, đặc sắc của nhân dân địa phương. Bỏng dễ làm và được làm phổ biến sử dụng trong đời sống cộng đồng dân tộc trong các dịp nhà mới, hội hè, lễ tết, dòng họ, bạn bè và mừng thọ với những tập tục khác nhau. Mỗi dịp làm bỏng cuối năm hội hè, người dân thường làm thành khối lượng lớn, nắm thành cục, cho vào chum vại để sử dụng tiện lợi, lâu dài. Bỏng (thúc théc), bánh chưng Tày (pẻng toóc) - 2 món ăn chủ yếu của người Tày cổ từ thời xa xưa là đồ cúng chính ở bàn thờ tổ tiên và đền thờ thần nông. Có

thể là, Thục Phán - An Dương Vương đã bảo tồn, lưu giữ và mang đến Cổ Loa cùng với nhiều loại bánh khác của thời Thục Chế, Thục Phán.

Hiện nay, trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, các lễ hội ở Cổ Loa và trong đời sống nhân dân, các thức ăn được dâng cúng và sinh hoạt là bánh chưng Tày, quả trám đen, bỏng chủ... tương truyền đều có xuất xứ từ Cao Bằng. Trong đó, bỏng chủ - loại bỏng có nhiều nét tương đồng với khẩu sli và thức théc của đồng bào Tày Cao Bằng là một vật tế lễ không thể thiếu trong Lễ hội Cổ Loa mừng 6 tháng Giêng hằng năm dâng lên vua Thục Phán - An Dương Vương để tưởng nhớ công ơn của Ngài. Do được nhân dân Cổ Loa bảo tồn lưu giữ, bỏng chủ, bánh chưng Tày, quả trám đen, bún mạch tràng hơn 2.000 năm nay đã kết nối lịch sử từ các truyền thuyết *Pú Luông - Giã Cải (Pú Luông*

quân) và *Cầu chúa cheng vua*, từ thành Bản Phủ với thành Cổ Loa, là lịch sử hình thành người Tày cổ, bộ lạc đến liên minh bộ lạc và thống nhất hai bộ lạc Âu Việt (Tây Âu) với Lạc Việt thành nước Âu Lạc trên đất nước Việt Nam như ngày nay.

Qua những nguồn thông tin, tư liệu về khảo cổ, về sử sách, tập quán dân gian, truyền thuyết, ngôn ngữ, địa danh... cho thấy: nghi lễ và một số đồ vật thờ cúng, kiến trúc xây thành giữa thành Bản Phủ (vương phủ Cao Bình xưa ở Cao Bằng) và di tích Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) có mối liên hệ khăng khít và có nhiều nội dung là phiên bản, bản sao của nhau.

Cho đến nay, không chỉ nhân dân Cao Bằng, các nhà khoa học mà đa số nhân dân Bắc Bộ đều đồng tình, ủng hộ và khẳng định giả thuyết: Thục Phán là thủ lĩnh của liên minh bộ lạc người Âu Việt ở phía Bắc nước Văn Lang, đó là “nước

Nam Cương, gồm 10 xứ Mường (9 Mường của 9 chúa và 1 Mường trung tâm của Thục Phán), tức 10 bộ lạc hợp thành, với địa bàn cư trú gồm vùng nam Quảng Tây, Cao Bằng và có thể rộng hơn, cả vùng núi rừng, phía Bắc Bộ, mà trung tâm là Cao Bằng”¹ và kinh đô đóng tại Cao Bình (trên nền di tích thành Bản Phủ ngày nay). “Nhân dân Cổ Loa (Hà Nội) cũng tương truyền rằng, An Dương Vương Thục Phán vốn là “một tù trưởng miền núi”, là người quê quán gốc tích ở miền rừng núi phía Bắc”². “Thậm chí còn nói rõ quê gốc của Thục Phán - An Dương Vương là Cao Bằng”³.

¹ Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sđd, tr.27-28.

² Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa*, Sđd, tr.199.

³ Nguyễn Quang Ngọc: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Sđd, tr.89.

Phần thứ ba
BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY
CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN LIÊN QUAN
ĐẾN NHÂN VẬT LỊCH SỬ
THỰC PHÁN - AN DƯƠNG VƯƠNG

Nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương gắn với một giai đoạn có ý nghĩa rất quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam, bởi đây là thời đại mở đầu công cuộc dựng nước và giữ nước. Hơn nữa Thục Phán - An Dương Vương còn giữ trọng trách đứng đầu Nhà nước Âu Lạc - là nhà nước tiếp sau Nhà nước Văn Lang của các vua Hùng. Tên tuổi, sự nghiệp và công lao của Thục Phán - An Dương Vương mãi mãi được lưu danh trong trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam.

Khắc ghi công lao to lớn của Vua Thục Phán - An Dương Vương trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trên khắp mọi miền

Bắc - Trung - Nam của nước ta có rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa gắn với tên tuổi, sự nghiệp và công lao của Thục Phán - An Dương Vương; có nhiều đường, phố, công trình công cộng... được đặt tên trang trọng, thể hiện niềm kính trọng, tự hào và biết ơn sâu sắc đối với vị vua có công dựng nước, mở cõi trong buổi bình minh của dân tộc.

Khu di tích Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội là một quần thể các di tích liên quan tới Đức Vua An Dương Vương, có quy mô lớn nhất trong các di tích có liên quan tới Thục Phán - An Dương Vương. Khu di tích Cổ Loa được Chính phủ công nhận là Di tích Quốc gia từ năm 1962, đến năm 2012 được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt, có giá trị về lịch sử, kiến trúc nghệ thuật và khảo cổ. Các công trình kiến trúc được xây dựng qua nhiều thời kì, gồm nhiều loại hình với các chức năng khác nhau: công trình tưởng niệm, công trình

mang chức năng tôn giáo, tín ngưỡng như: đình, đền, chùa, am, miếu đến nhà cổ... Di sản to lớn của Vua An Dương Vương còn để lại đến ngày nay là toà thành Cổ Loa. Đây là toà thành đất sớm nhất, quy mô to lớn nhất ở Việt Nam và Đông Nam Á do An Dương Vương cho xây dựng vào thế kỉ thứ III đến thế kỉ II TCN. Bên cạnh đó, trong hoạt động tín ngưỡng và tâm thức của người Việt, tục thờ Thục Phán - An Dương Vương luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, trong đó vùng Cổ Loa là trung tâm thờ lớn nhất và quan trọng nhất. Ngoài đền Thượng là đền thờ chính, còn có một hệ thống đền, đình khác ở khu vực Cổ Loa thờ Thục Phán - An Dương Vương. Chỉ tính riêng trên địa bàn Cổ Loa, ít nhất đã có 84 địa danh liên quan tới An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Lễ hội Cổ Loa được diễn ra vào mùng 6 tháng Giêng hằng năm là lễ hội truyền thống thu hút đông đảo người dân và du khách mỗi đầu xuân.

Đây được coi là biểu tượng văn hóa và tín ngưỡng của địa phương, trở thành một lễ sống thiêng liêng của mỗi người dân nơi đây, được tôn vinh qua câu ca dao:

Chết thì bỏ con bỏ cháu

Sống thì không bỏ ngày mồng sáu tháng Giêng.

Ở Khu di tích Đền Hùng, xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ hiện nay có di tích cột đá thề gắn với những truyền thuyết về việc Vua Hùng nhường ngôi cho Thục Phán - An Dương Vương với mong muốn thống nhất Lạc Việt và Âu Việt, thành lập nước Âu Lạc. Để tỏ lòng biết ơn và ghi nhớ, vua An Dương Vương đã lập cột đá thề trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh với lời thề tiếp bước các Vua Hùng. Di tích “cột đá thề” trên núi Nghĩa Lĩnh là một phần của Quần thể di tích Đền Hùng - một di tích lịch sử, văn hóa đặc biệt của quốc gia theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg, ngày 12/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Làng Cọi hay còn gọi là Cọi Khê hoặc Hội Khê thuộc xã Thư Vũ, tỉnh Hưng Yên thờ thành hoàng là An Dương Vương, công chúa My Châu (trước kia thờ ở miếu Bà cũng ở làng Cọi) và Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn.

Di tích thờ Thục Phán - An Dương Vương quan trọng và tiêu biểu của tỉnh Thanh Hóa là đền thờ An Dương Vương và công chúa My Châu (xưa thuộc xã Bình An, tổng Cung Thượng, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, nay thuộc phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Lễ hội đền thờ An Dương Vương và công chúa My Châu diễn ra từ ngày 30 tháng Giêng đến ngày mùng 1 tháng 2 âm lịch hàng năm. Năm 1997, đền thờ An Dương Vương và công chúa My Châu đã được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Tại tỉnh Nghệ An có khá nhiều di tích liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương. Nhân dân lập đền thờ Thục Phán -

An Dương Vương ở Cửa Hiền, phía Bắc chân núi Mộ Dạ, thuộc xã An Châu và đắp mộ cho công chúa My Châu. Nhân dân nơi đây còn huyền thoại hóa một số cảnh quan ở khu vực này như: tảng đá bàn cờ nơi An Dương Vương đánh cờ với thần Kim Quy; tảng đá dưới chân núi Mộ Dạ trông như một khối gạo, tương truyền là số gạo còn lại sau khi An Dương Vương phân phát cho quân sĩ; núi Cờ, núi Kiếm, núi Áo, núi Mão, núi Gươm... mang tên những vật mà An Dương Vương bỏ lại trước khi cầm sừng tê đi xuống biển. Trong đó, Đền Cuông là một trong những ngôi đền thờ Thục Phán - An Dương Vương, tọa lạc trên núi Mộ Dạ thuộc xã An Châu, tỉnh Nghệ An, được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia vào năm 1975. Lễ hội đền Cuông được tổ chức từ ngày 14 - 16/02 âm lịch hàng năm, là lễ hội có quy mô lớn, nổi tiếng của Nghệ An. Phần lễ gồm có lễ khai

quang, lễ cáo trung thiên, lễ rước, lễ đại tế, lễ tạ và phần hội có nhiều trò chơi dân gian. Trong chuỗi sự kiện tổ chức tại Lễ hội, có lễ rước Thục Phán - An Dương Vương và công chúa My Châu từ đình Xuân Ái về đền Công rất đặc sắc...

Có thể thấy, các di tích, di sản liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương ở các tỉnh, thành tương đối phong phú về loại hình, bao gồm cả di tích mang tính vật chất và di sản phi vật thể, thể hiện qua truyền thuyết, câu chuyện dân gian, ngôn ngữ, văn hóa, lễ hội, tục thờ cúng, v.v... Bên cạnh đó, di tích, di sản không chỉ về nhân vật Thục Phán - An Dương Vương mà còn liên quan đến các nhân vật khác thời Thục Phán - An Dương Vương như công chúa My Châu, các vị tướng lĩnh đã từng phò tá Thục Phán - An Dương Vương, Hùng Vương và lập công trạng, được nhân dân đời đời ngưỡng vọng, ghi

nhớ và thờ phụng¹. Đồng thời, sự phân bố của các di tích, di sản thời Thục Phán - An Dương Vương có sự lan tỏa từ Bắc xuống Nam, từ vùng núi tới đồng bằng và vùng duyên hải ven biển, từ vùng lõi trung tâm là Cổ Loa tới các địa phương khác trong nước. Từ đó, bổ sung thêm tư liệu, củng cố thêm cơ sở về một thời kì xa xưa của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đồng thời, qua sự phân bố này có thể thấy được mức độ ảnh hưởng của Thục Phán - An Dương Vương, của thời kì Thục Phán - An Dương Vương đối với các vùng đất thuộc nhà nước Âu Lạc. Nhân tâm người

¹ Ở chân núi Đọi Đền, nay là khu vực Gò Làng, thuộc xã Hùng Việt, tỉnh Phú Thọ, nhân dân địa phương có lập đền Kim Giao để thờ phụng Phụ quốc Ma Khê - một nhân vật có liên quan đến vua Hùng, Thục Phán - An Dương Vương. Trong đền còn bức hoành phi “Ích - Quốc - Lợi - Dân” và một đôi câu đối: “Vạn cổ anh linh từ sắc tướng/ Trung kim tráng khí ngọc lâu đài” (Dịch nghĩa: “Muôn đời xưa đền thiêng thờ anh linh tướng quân/ Tinh thần cao quý của Người truyền mai sau tựa đài ngọc”). Hay cụm di tích lăng, đền thờ Cao Lỗ Vương là di tích tiêu biểu ở tỉnh Bắc Ninh liên quan đến thời Thục Phán - An Dương Vương...

Việt hướng về những con người có công trong thời kì dựng nước rất sâu sắc và trường tồn qua thời gian.

Tục thờ Thục Phán - An Dương Vương luôn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong tâm thức và hoạt động tín ngưỡng của người Việt. Tác giả Ngô Đức Thịnh phân loại và xếp việc thờ phụng An Dương Vương thuộc tín ngưỡng thờ thần: “Đạo thờ thần với việc thờ cúng các Vua, Chúa, các Anh hùng dân tộc, từ Hùng Vương, An Dương Vương, Hai Bà Trưng... Đó vốn là các nhân vật lịch sử, có nhiều công lao đóng góp cho đất nước, khi mất đi trở thành thần thánh, được nhân dân lập miếu thờ”¹. Việc thờ tự Thục Phán - An Dương Vương mang sắc thái dân tộc rất đậm nét, không còn là hoạt động tự phát của nhân dân mà đã được nhà

¹ Ngô Đức Thịnh: *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.32-33.

nước quan tâm, trở thành hoạt động văn hóa, tâm linh có tổ chức mang tầm quốc gia.

Hiện nay, nhiều địa phương trên cả nước đã đặt tên đơn vị hành chính, tên đường, phố, các công trình công cộng, trường học... là “Thục Phán”, “An Dương Vương” để tưởng nhớ vị vua huyền thoại Thục Phán - An Dương Vương, người sáng lập nhà nước Âu Lạc, như: thành phố Hà Nội, thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh: Lào Cai, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Tây Ninh, Đồng Nai, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Cà Mau...

Đối với tỉnh Cao Bằng, các di tích, địa danh liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương có ở nhiều địa phương trong tỉnh, chủ yếu gắn với truyền thuyết *Cầu chúa cheng vua*, như: Di tích Thành Bản Phủ, cây đa cổ thụ, đôi guốc đá khổng lồ (ở phường

Thục Phán); Khau Lừa (ở xã Hoà An); Tổng Lăn (ở xã Bạch Đằng - khu vực đèo Cao Bắc giáp giới tỉnh Thái Nguyên), Phiêng Pha (ở xã Phan Thanh)... Trong Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng¹ cũng đã có các tên địa danh gắn liền với nhân vật Thục Phán - An Dương Vương, như: Bản Phủ, Thục Phán. Bởi vậy, việc đặt tên phường Thục Phán cho một đơn vị hành chính trung tâm của tỉnh Cao Bằng có ý nghĩa sâu sắc và quan trọng, khẳng định và tôn vinh công lao to lớn của Thục Phán - An Dương Vương - vị anh hùng thời đại dựng nước và giữ nước trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, Cao Bằng còn được coi là quê hương của Thục Phán, thông qua truyền thuyết *Cầu chúa cheng vừa* và qua nhiều tư liệu nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước, từ thời cổ trung đại đến cận hiện đại.

¹ Quyết định số 508/QĐ-UBND, ngày 10/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Nhiều năm gần đây, tỉnh đã phối hợp cùng các nhà khoa học, khảo cổ học nghiên cứu khá sâu về vấn đề Thục Phán - An Dương Vương. Năm 1999, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học về lịch sử cổ trung đại Cao Bằng, trong đó nêu vấn đề Thục Phán - An Dương Vương, gồm nguồn gốc quê hương, địa bàn cư trú, hoạt động của bộ lạc Âu Việt do ông đứng đầu. Năm 2006, phối hợp tổ chức Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV (tháng 7/2006); Hội thảo khoa học xác định ngày thành lập tỉnh Cao Bằng (tháng 9/2006); biên soạn, xuất bản cuốn sách *Lịch sử tỉnh Cao Bằng* (năm 2009) và nhiều công trình nghiên cứu khác; trong đó đều dành dung lượng thỏa đáng nêu vấn đề Thục Phán - An Dương Vương với Cao Bằng.

Đặc biệt, từ năm 2022, tỉnh Cao Bằng đã triển khai Đề tài khoa học “Nghiên cứu, bảo tồn những giá trị di sản ở Cao

Bằng liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương”¹. Theo đó, tỉnh Cao Bằng đã phối hợp với Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức 3 hội thảo khoa học: lần 1: “Thục Phán - An Dương Vương với Cao Bằng” (ngày 28/12/2023); lần 2: “Quá trình hợp nhất Hùng - Thục và cuộc kháng chiến chống quân Tần” và lần 3: “Thục Phán - An Dương Vương trong giai đoạn đầu tiên của lịch sử Việt Nam” (ngày 27/10/2024). Qua những thư tịch và tư liệu, các bài tham luận tại 3 hội thảo đã bổ sung, làm sáng tỏ nhiều vấn đề về Thục Phán - An Dương Vương, về nước Nam Cương, nước Âu Lạc, về cuộc kháng chiến chống quân Tần diễn ra trên đất Âu Lạc. Từ đó, góp phần làm căn cứ để xây dựng kế hoạch bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa, phục dựng

¹ Đây là đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp tỉnh, được Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt theo Quyết định số 958/QĐ-UBND, ngày 28/7/2022 và dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

di tích liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương; lập hồ sơ các địa danh, di tích, hiện vật đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Đồng thời, tỉnh đã phối hợp với Viện Khảo cổ học - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam tổ chức một số cuộc thăm dò, thám sát, khai quật khảo cổ tại địa điểm thành Na Lữ, địa điểm Thành Bản Phủ và di tích cự thạch Bản Thanh (phường Thục Phán). Tuy nhiên, do điều kiện hạn chế nên việc khảo cổ còn ở quy mô nhỏ, chưa thể đưa ra nhận định chính xác về lịch sử thời cổ trung đại ở Cao Bằng. Bởi vậy, các điểm này vẫn còn nhiều tiềm năng nghiên cứu, cần được khoanh vùng bảo vệ và tiếp tục mở rộng khai quật khảo cổ cấp quy mô lớn hơn trong thời gian tới. Hơn thế, tại các khu vực di tích đang bị xâm hại, tàn phá nặng nề do các cuộc chiến tranh và do chiều dài thời gian lịch sử, không còn nguyên trạng, cần sớm có biện pháp hữu

hiệu bảo tồn, bảo vệ các điểm di tích, tránh cho di tích tiếp tục bị xâm hại, xuống cấp.

Trên cơ sở đó, tỉnh đã sớm có những định hướng bảo tồn di tích liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng như: thực hiện một số biện pháp tạm thời để bảo tồn, bảo vệ hiện trường trong thời gian trước mắt, đảm bảo không bị xâm hại bởi tác động của con người hay thiên nhiên; tiến hành kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, trong đó có các di tích liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương như: Thành Bản Phủ (Thành nội và Thành ngoại), di tích cự thạch đôi guốc đá¹... Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền trong nhân dân về ý thức bảo vệ các giá trị di sản; tiếp tục nghiên cứu, xác minh, khoanh vùng bảo vệ và lập hồ sơ xếp hạng di tích; tổng hợp và

¹ Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 266/QĐ-UBND, ngày 08/3/2024 của UBND tỉnh Cao Bằng.

báo cáo các cấp có thẩm quyền để đề xuất các phương án bảo tồn và khai thác lâu dài đối với các di tích.

Do điều kiện hạn chế về nguồn kinh phí và phạm vi nghiên cứu của tỉnh Cao Bằng còn hạn hẹp (hiện nay mới chủ yếu chỉ ở trên địa bàn tỉnh và một số địa phương lân cận, chưa mở rộng ra các địa bàn khác, nhất là ở nước ngoài), nguồn nhân lực chủ yếu là các nhà nghiên cứu địa phương và một số nhà nghiên cứu Trung ương. Do đó, rất cần có giải pháp nghiên cứu sâu, tổng thể, toàn diện, chắc chắn làm căn cứ cho việc bảo tồn, trùng tu và phát huy các di tích liên quan. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đề xuất xây dựng các công trình tưởng niệm, tri ân Thục Phán - An Dương Vương tại Cao Bằng, góp phần tôn vinh và lan tỏa niềm tự hào, biết ơn sâu sắc đối với Thục Phán - An Dương Vương - một trong những vị vua đầu tiên của thời đại dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

KẾT LUẬN

Qua các truyền thuyết, tư liệu lịch sử, những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học, văn hóa học... đã được công bố về Thục Phán - An Dương Vương, về quốc gia Âu Lạc, có thể khẳng định rằng: Quốc gia Âu Lạc ra đời do Thục Phán - An Dương Vương đứng đầu là dấu mốc quan trọng của thời đại dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Nước Âu Lạc của An Dương Vương dù chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn nhưng đã có những đóng góp to lớn vào trong tiến trình phát triển của lịch sử đất nước. Trong tâm thức nhân dân ta ngàn đời nay, Thục Phán - An Dương Vương là một người có công lao to lớn đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, một vị anh hùng đáng được tôn kính.

Những thư tịch, tư liệu, truyền thuyết, nhất là mối liên hệ mật thiết giữa các di sản liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng với vùng Cổ Loa (xã

Đông Anh, thành phố Hà Nội) cho thấy: có nhiều căn cứ để khẳng định quan điểm Thục Phán là người Tày cổ, là thủ lĩnh liên minh bộ lạc Âu Việt (Tây Âu) mà trung tâm là Cao Bằng và kinh đô đóng tại Cao Bình (trên nền di tích thành Bản Phủ ngày nay). Việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu về nguồn gốc và những công lao, đóng góp của Thục Phán - An Dương Vương đối với lịch sử dân tộc, những dấu tích liên quan đến Thục Phán - An Dương Vương tại tỉnh Cao Bằng và các địa phương liên quan là hết sức cần thiết để góp phần làm sáng rõ hơn về thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, thời đại đắp móng xây nền và quyết định đường hướng phát triển của lịch sử đất nước. Hiểu rõ nguồn gốc Thục Phán - An Dương Vương và sự thành lập nước Âu Lạc cũng là cơ sở để nhìn nhận một cách toàn diện, đầy đủ hơn khuynh hướng vận động chủ đạo của lịch sử Việt Nam, đó là truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, tập hợp mọi thành phần cư dân, mọi lực lượng của

đất nước trong sứ mệnh lịch sử chung - sứ mệnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quê hương Cao Bằng tự hào về trang sử vẻ vang, về truyền thống yêu nước chống xâm lược, truyền thống đoàn kết các dân tộc, ý thức dân tộc sớm được hình thành từ thời đại Hùng Vương - An Dương Vương và được nhân lên mạnh mẽ qua các cuộc đấu tranh, khởi nghĩa giành và giữ vững nền độc lập của dân tộc. Tri ân và tôn vinh công lao của các bậc tiền nhân đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước, trong đó có tên tuổi của vị anh hùng Thục Phán - An Dương Vương, trong giai đoạn lịch sử mới của đất nước hiện nay, Nhân dân các dân tộc Cao Bằng đang tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào và tự tôn dân tộc, biến thành sức mạnh nội sinh, nguồn động lực to lớn để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng quê hương phát triển nhanh, bền vững, vì hạnh phúc của Nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cao Bằng: *Địa lí - Lịch sử tỉnh Cao Bằng (Tài liệu dùng cho các trường Phổ thông tỉnh Cao Bằng)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

3. Đào Duy Anh: *Cổ sử Việt Nam*, Tập san Đại học Sư phạm chuyên san, Hà Nội, 1956.

4. Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2005.

5. Đào Duy Anh: “Góp ý kiến về vấn đề An Dương Vương”, in trong *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3-4, tháng 12/1969.

6. Triều Ân (sưu tầm, giới thiệu): *Huyền thoại dân tộc Tày, Toạ vị đĩa gần Tày* (song ngữ Việt - Tày), Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2010.

7. Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007.

8. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê: *Đại Việt sử ký toàn thư (toàn tập)*, (Dịch giả Cao Huy Giu, Hiệu đính Đào Duy Anh), Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009.

9. Ngô Thì Sĩ: *Đại Việt sử ký tiền biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

10. Phạm Như Hồ, Đỗ Đình Truật: *Vài ý kiến quanh truyền thuyết “Cầu chùa cheng vừa”*, in trong *Hùng Vương dựng nước*, tập III, tr.395-397.

11. Nguyễn Duy Hinh: *Bàn về nước Âu Lạc và An Dương Vương*. Tạp chí Khảo cổ, số 3+ 4/12/1969.

12. Nguyễn Duy Hinh: *Văn minh Đại Việt*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2017.

13. Vương Hùng: “*Thái - Thổ - Tày - Nùng*”, trong *Văn hóa và lịch sử các dân tộc nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*. Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002.

14. Nguyễn Linh: *Bàn về nước Thục của Thục Phán*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 124, tháng 7/1969.

15. Hoàng Văn Khoán (chủ biên): *Cổ Loa trung tâm hội tụ văn minh sông Hồng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002.

16. Trần Trọng Kim: *Việt Nam sử lược*, Bộ Giáo dục trung tâm học liệu xuất bản.

17. Hồng Nam, Hồng Lĩnh: *Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1954.

18. Lã Văn Lô, Lê Đình Sự: *Quanh vấn đề An Dương Vương Thục Phán hay truyền thuyết “Cầu chúa cheng vua” của đồng bào Tày*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 50 - 51, 1963.

19. Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh: *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985.

20. Phan Huy Lê: *Lịch sử và Văn hóa Việt Nam tiếp cận bộ phận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2015.

21. Phan Huy Lê (Chủ biên): *Lịch sử Thăng Long Hà Nội*, tập 1, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2011.

22. Phan Huy Lê di cảo: *Nhận thức Lịch sử Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2024.

23. Nguyễn Lộc: *Bước đầu tìm hiểu mối quan hệ Hùng Vương và Thục Vương*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 137, tháng 3 và 4/1971.

24. Nguyễn Đức Tố Lưu, Thích Tâm Hiệp, Nguyễn Đức Tố Huân: *Hùng Vương Thánh tổ Ngọc phả sưu khảo*. Nxb. Dân trí, Hà Nội, 2020.

25. *Lĩnh Nam chích quái bình giải*, Nguyễn Hữu Vinh dịch, Trần Đình Hoàn bình giải, 2010.

26. Lịch Đạo Nguyên chú: *Thủy kinh chú sớ* (Nguyễn Bá Mão dịch), Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, 2005.

27. Vũ Duy Mền (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam, tập I (Từ khởi thủy đến thế kỷ X)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017.

28. Dương Minh: *Thử nhận định về những mũi tên đồng phát hiện ở Cổ Loa*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 14 tháng 5/1960.

29. Nguyễn Quang Ngọc: *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.

30. Nguyễn Quang Ngọc, Trần Minh An: *Vấn đề nguồn gốc của Thục Phán và sự thành lập nước Âu Lạc*, Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV, Cao Bằng, tháng 7/2006.

31. Nguyễn Quang Ngọc - Vũ Văn Quân (Đồng chủ biên): *Địa chí Cổ Loa*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, 2010.

32. Nguyễn Quang Ngọc: *Vị thế của Kinh đô - Thủ đô Cổ Loa, Thăng Long, Hà Nội trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, trong Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an - Thành uỷ Hà Nội: *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Tầm nhìn mới, cơ hội mới xây dựng Thủ đô Hà Nội Văn hiến - Văn minh - Hiện đại, Thành phố kết nối toàn cầu*, Hà Nội, ngày 07/10/2024.

33. Nguyễn Tôn Nhan (giới thiệu và dịch giải): *Hoài Nam Tử - cuộc đời, tư tưởng và toàn văn Hoài Nam Hồng Liệt, quyển 2, Thiên mười tám: Nhân gian huấn (quan sát quan hệ chuyển hóa giữa họa và phúc, lợi và hại)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2022.

34. Trương Hữu Quỳnh (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.

35. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

36. Cao Tự Thanh (dịch và giới thiệu): *Lịch sử Việt Nam qua chính sử Trung Hoa - Tổng sử, nguyên sử, tân nguyên sử, thanh sử cáo*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2024.

37. Lê Tắc: *An Nam chí lược*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2009.

38. Ngô Đức Thịnh: *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.

39. Ngô Tất Tố: *Nước Nam không có ông An Dương Vương nhà Thục*, Tao Đàn số 3, ngày 01/4/1939.

40. Vũ Anh Tuấn: *Cần phải tìm hiểu mẫu kẻ An Dương Vương trong mối quan hệ văn hoá Tày - Việt*, in trong *Văn hoá và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1998.

41. Tỉnh uỷ Cao Bằng, Viện Sử học Việt Nam: *Lịch sử cổ trung đại Cao Bằng (Kỷ yếu hội thảo)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Cao Bằng, Cao Bằng, 2000.

42. Trần Quốc Vượng: *Cổ Loa: những kết quả nghiên cứu vừa qua và những triển vọng tới*, in trong *Tạp chí Khảo cổ học*, số 3-4, tháng 12/1969.

43. Trần Quốc Vượng (dịch): *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2005.

44. Trần Quốc Vượng: *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

45. *Sử ký Tư Mã Thiên*, Phan Ngọc dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.

46. Viện Dân tộc học: *Các dân tộc ở Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.

47. Đinh Ngọc Viện: *Qua thành Bản Phủ trở lại vấn đề Thục Phán - An Dương Vương trong lịch sử Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ III: *Việt Nam hội nhập và phát triển*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2010.

48. Văn Tân, Nguyễn Linh, Lê Văn Lan, Nguyễn Đồng Chi, Hoàng Hưng: *Thời đại Hùng Vương - Lịch sử văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2007.

49. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	3
Phần thứ nhất Những công trạng của nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam	7
I. Cuộc kháng chiến chống Tần và nước Âu Lạc ra đời	8
II. Thục Phán - An Dương Vương với việc xây dựng và phát triển nhà nước Âu Lạc	20
III. Cuộc kháng chiến chống Triệu Đà xâm lược của nhân dân Âu Lạc	49
Phần thứ hai Về nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương	61
I. Các quan điểm về nguồn gốc của Thục Phán - An Dương Vương	61

	<i>Trang</i>
II. Một số tư liệu lịch sử về nhân vật Thục Phán - An Dương Vương gắn liền với Cao Bằng	80
III. Các di tích liên quan đến nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng	99
IV. Mối liên hệ giữa các di sản liên quan đến nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương ở Cao Bằng với Khu di tích Cổ Loa (xã Đông Anh, thành phố Hà Nội)	109
Phần thứ ba Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản liên quan đến nhân vật lịch sử Thục Phán - An Dương Vương	129
Kết luận	145
Tài liệu tham khảo	148

Chịu trách nhiệm xuất bản

NÔNG THANH TÙNG

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Chỉ đạo nội dung

BẾ THANH TỊNH

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

SẨM VIỆT AN

Tỉnh uỷ viên, Tổng Biên tập Báo Cao Bằng, Nguyên Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BẾ LAN PHƯƠNG

Nguyên Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

TRIỆU THỊ THU TRANG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Biên soạn nội dung

TRIỆU THỊ THU TRANG

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

HOÀNG THỊ HUYỀN

Trưởng phòng Quản lý Di sản địa chất và Hợp tác quốc tế, Ban Quản lý Công viên địa chất Non nước Cao Bằng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

NÔNG LÝ HUỆ

Phó Trưởng phòng Sơ tư, Kiểm kê, Bảo quản, Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

HOÀNG MAI TRINH

Chuyên viên phòng Lý luận chính trị, Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

Trình bày bìa

HOÀNG MAI TRINH

Sửa bản in

HOÀNG MAI TRINH

* Giấy phép xuất bản số 31/GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng cấp ngày 08 tháng 9 năm 2025.

* In 9.600 cuốn, khổ 10 x 14,5 cm, tại: Công ty cổ phần in Việt Lập Cao Bằng, địa chỉ: Tổ 1, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

* Nộp lưu chiếu: Tháng 9/2025.